

Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM cấp đăng ký niêm yết chứng chỉ Quỹ chỉ có nghĩa là việc niêm yết chứng chỉ Quỹ đã thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng chỉ Quỹ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ. Mọi tuyên bố trái với điều này là bất hợp pháp.

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 01/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30 tháng 6 năm 2011)

BẢN CÁO BẠCH



NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

(Đăng ký niêm yết số: 34 /2012/QĐ/SGDHCM do SGDCK Tp.HCM
cấp ngày 29 / 03 /2012)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ACB

Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP HCM
ĐT: (84.8) 62 905 989 Fax: (84.8) 62 905 987
Website: www.acbcapital.com.vn



Tổ chức tư vấn đăng ký niêm yết

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ: 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP HCM
ĐT: (84.8) 54 043 054 Fax: (84.8) 54 043 085
Website: www.acbs.com.vn

PHƯƠNG TIỆN CÔNG BỐ BẢN CÁO BẠCH

Website: www.acbcapital.com.vn

Website: www.acbs.com.vn

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông LƯƠNG VĂN TỰ - Chủ tịch Hội đồng thành viên (Người đại diện theo pháp luật)
Ông NGUYỄN MINH TUẤN - Tổng Giám đốc (Người được ủy quyền công bố thông tin)

- Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP HCM
- ĐT: (84.8) 62 905 989 Fax: (84.8) 62 905 987

MỤC LỤC

PHẦN I	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1.1	Tổ chức đăng ký niêm yết	3
1.2	Các tổ chức có liên quan	3
PHẦN II	CÁC ĐỊNH NGHĨA	5
PHẦN III	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	9
3.1	Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2011	9
3.2	Thị trường Chứng khoán Việt Nam	16
PHẦN IV	THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB (ACBGF)	19
4.1	Thông tin chung về Quỹ	19
4.2	Điều lệ Quỹ	22
4.3	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ	44
4.4	Phí, lệ phí và thưởng hoạt động	44
4.5	Giao dịch chứng chỉ quỹ	51
4.6	Thời hạn nắm giữ tối thiểu	52
4.7	Xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ	52
4.8	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	52
4.9	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ	54
4.10	Chế độ báo cáo	55
4.11	Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho nhà đầu tư	55
PHẦN V	THÔNG TIN VỀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN	52
5.1	Thông tin về Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB	52
5.2	Thông tin về Ngân hàng giám sát	53
5.3	Thông tin về Công ty kiểm toán	53
PHẦN VI	NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ	66
6.1	Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ	55
6.2	Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về việc ủy quyền cho Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB về việc tiến hành các thủ tục niêm yết	55
6.3	Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	

hoặc của tổ chức phát hành	55
6.4 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ..55	
6.5 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	56
6.6 Các loại thuế có liên quan.....	56
PHẦN VII CAM KẾT	68
PHẦN VIII PHỤ LỤC.....	69

PHẦN I

**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM
ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

1.1 Tổ chức đăng ký niêm yết

❖ **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB**

Ông LƯƠNG VĂN TỰ	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông NGUYỄN MINH TUẤN	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà PHẠM TRÂM NHƯ NGUYỄN	Chức vụ: Kế toán trưởng

❖ **BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB**

Ông NGUYỄN NGỌC HÙNG	Chức vụ: Chủ tịch
<i>Đại diện cho Công ty Cổ phần Địa ốc ACB</i>	
Ông HUỖNH SƠN TRUNG	Chức vụ: Thành viên
<i>Đại diện cho Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư & Chuyển tiền Việt Nam</i>	
Ông LÊ THANH HẢI	Chức vụ: Thành viên
<i>Đại diện cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB</i>	

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

1.2 Các tổ chức có liên quan

Ngân hàng giám sát

❖ **NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**

Bà TRẦN MINH HƯỜNG	Chức vụ: Giám đốc Khối Nghiệp vụ và Công nghệ thông tin
--------------------	---

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB, trách nhiệm của chúng tôi được qui định theo qui định của pháp luật có liên quan và trong Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ ký ngày 04/10/2010 giữa Ngân Hàng với Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB, là công ty quản lý quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB. Với nội dung Bản cáo bạch này, chúng tôi tin rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng bởi Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB cùng với các bên khác có trách nhiệm theo qui định.

Tổ chức tư vấn❖ **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**Ông **NGUYỄN NGỌC CHUNG**Chức vụ: **Q. Tổng Giám đốc**

(Giấy ủy quyền số 60/GUQ.09 ngày 17/9/2009 của Chủ tịch Hội đồng thành viên)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB cung cấp.

PHẦN II

CÁC ĐỊNH NGHĨA

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
Bản cáo bạch	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ ACBGF.
Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB (ACB Growth Fund)	Sau đây gọi tắt là Quỹ ACBGF hoặc Quỹ, được Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB và tất cả Nhà đầu tư thành lập theo giấy phép của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") phù hợp với pháp luật Việt Nam và các quy định của bản Điều lệ Quỹ ACBGF.
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB, gọi tắt là Công ty Quản lý Quỹ ACB ("ACB Capital" hoặc "ACBC") hoặc Công ty Quản lý Quỹ	Là công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 và giấy phép điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty Quản lý Quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ ACBGF, có quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ Quỹ.
Ngân hàng giám sát và lưu ký	Là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), tên giao dịch là Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited, hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 8/9/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
Công ty Kiểm toán	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ACBGF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ACBGF và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (hay HSX)	Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
	giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (hay HNX)	Là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)	Là cơ quan có thẩm quyền quản lý các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán.
NHNN	Ngân hàng Nhà nước.
NHTM	Ngân hàng thương mại
Điều lệ Quỹ	Là văn bản quy định về tổ chức và cơ chế hoạt động của Quỹ ACBGF được lập phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.
Quỹ đại chúng dạng đóng	Là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
Quỹ tăng trưởng	Là Quỹ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu với mục đích nhằm mục đích đầu tư dài hạn. Quỹ đầu tư tối thiểu 80% tài sản vào cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi.
Hợp đồng Giám sát	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty Quản lý Quỹ ACB và Ngân hàng Giám sát và được Đại hội nhà đầu tư thông qua.
Nhà đầu tư	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài đang nắm giữ Chứng chỉ Quỹ ACBGF.
Đại hội Nhà đầu tư	Là phiên họp toàn thể Nhà đầu tư được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ACBGF. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyết định cao nhất của Quỹ ACBGF, có quyền và nhiệm vụ quy định rõ tại Điều lệ Quỹ ACBGF.
Vốn Điều lệ hoặc Vốn điều lệ Quỹ	Là số vốn bằng tiền mặt do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ Quỹ.
Đơn vị Quỹ	Là Vốn Điều lệ Quỹ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá là 10.000 VND/ Đơn vị Quỹ. Mỗi đơn vị Quỹ đại diện cho phần vốn và lợi ích bằng nhau của Quỹ.
Chứng chỉ Quỹ ACBGF	Là loại chứng khoán do Công ty Quản lý Quỹ ACB đại diện cho

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
hoặc Chứng chỉ Quỹ	Quỹ đầu tư tăng trưởng ACBGF phát hành để xác định quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản và vốn của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ ACBGF.
Phí quản lý Quỹ	Là phí mà Quỹ ACBGF phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ ACB để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
Phí thưởng	Là phí mà Quỹ ACBGF phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ ACB, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại Điều lệ Quỹ.
Cổ tức Quỹ	Là một phần hay toàn bộ số lợi nhuận thực tế còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư.
Thời gian hoạt động của Quỹ	Thời hạn hoạt động của Quỹ ACBGF là năm (05) năm tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
Các doanh nghiệp nhận đầu tư	Là các Công ty / Doanh nghiệp hay dự án mà Quỹ ACBGF đầu tư vào.
Sổ đăng ký Nhà đầu tư	Là tài liệu được Công ty quản lý Quỹ lập, ghi chép, lưu trữ, cập nhật thông tin về số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ của mỗi Nhà đầu tư vào Quỹ ACBGF. Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ ACBGF có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
Giá trị tài sản ròng của Quỹ (Net Asset Value – NAV)	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ ACBGF tại thời điểm định giá.
Tài sản quỹ	Là bất kỳ loại chứng khoán nào và tiền mặt hoặc tương đương tiền và các tài sản khác thuộc sở hữu của Quỹ.
Thời điểm định giá	Ngày làm việc cuối cùng mà Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ ACBGF.
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
ICOR	Hệ số tăng vốn – sản lượng

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
CPI mom	Tốc độ tăng trưởng chỉ số giá tiêu dùng so với tháng trước.
CPI yoy	Tốc độ tăng trưởng chỉ số giá tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước.
Lãi suất tái chiết khấu	Là lãi suất được sử dụng trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước tái chiết khấu giấy tờ có giá ngắn hạn cho các tổ chức tín dụng.
Lãi suất tái cấp vốn	Là lãi suất được sử dụng trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng.
Lãi suất OMO	Là lãi suất trúng thầu khi Ngân hàng Nhà nước thực hiện mua, bán ngắn hạn các loại giấy tờ có giá với các tổ chức tín dụng trên thị trường mở.
Lãi suất cơ bản	Là lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố, làm cơ sở cho các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh.
M2	Tổng phương tiện thanh toán
Ngân hàng TMCP Á Châu/ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

PHẦN III

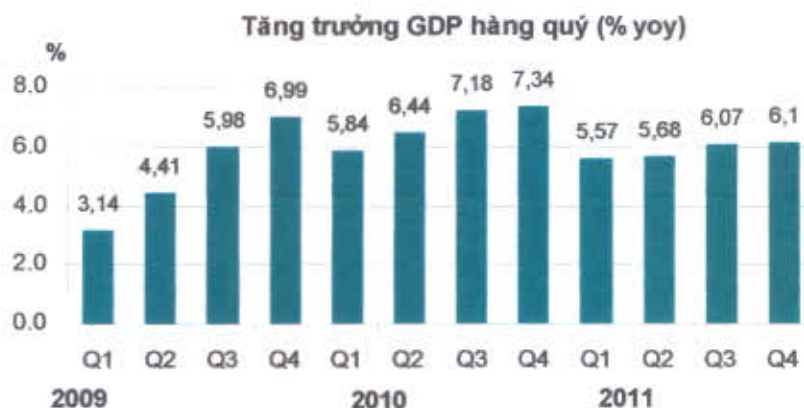
CƠ HỘI ĐẦU TƯ

3.1 Kinh tế Việt Nam năm 2011

Nghị quyết 11/NQ-CP (24/02/2011) được ban hành với mục tiêu ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô là một trong những nội dung điều hành quan trọng nhất của nền kinh tế Việt Nam năm 2011. Những kết quả bước đầu là tương đối khả quan, nhiều chỉ tiêu đề ra trong Nghị quyết 11 đã được thực hiện tốt, làm tăng niềm tin người dân. Tuy nhiên, những thành tích đạt được vẫn ở bước đầu và còn chứa đựng nhiều khó khăn mà nền kinh tế phải tiếp tục đối mặt trong năm 2012.

3.1.1 Tổng quan tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm tăng trưởng 5,89%, thấp hơn mức tăng 6,78% của năm 2010 và không hoàn thành mục tiêu đặt ra đầu năm (6% - 6,5%). Trong 10 năm trở lại đây, năm 2011 là năm mà nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ thấp chỉ cao hơn mức 5,32% của năm 2009, năm Việt Nam chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. So với cùng kỳ năm trước, GDP quý 1 tăng 5,57%; quý 2 tăng 5,68%; quý 3 tăng 6,07% và quý 4 tăng 6,10%. Mặc dù GDP quý sau tăng cao hơn quý trước nhưng tốc độ tăng trưởng các quý đều thấp hơn so với 2010 và mức chênh lệch này càng về cuối năm càng lớn. Điều này bắt nguồn từ những chính sách kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô trước bối cảnh hoạt động kinh tế trong nước nhiều khó khăn.



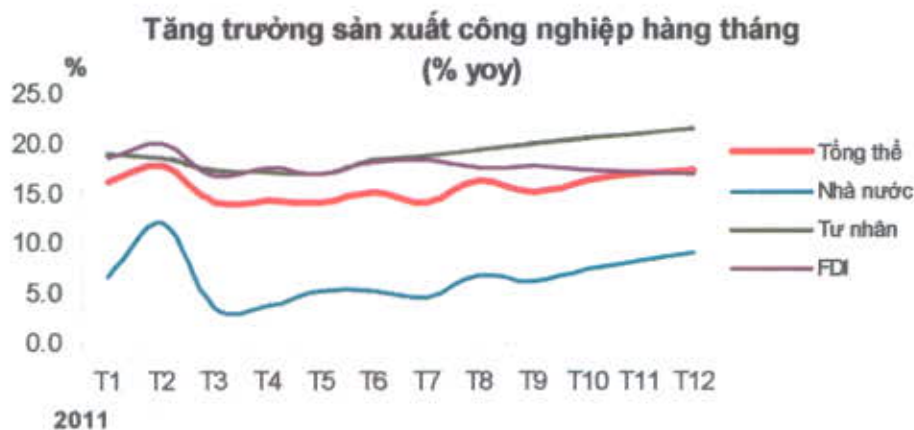
Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.1.2 Tình hình sản xuất công nghiệp

Bước vào năm 2011, ngành công nghiệp phải đối mặt với nhiều khó khăn như: việc tăng giá của nhiều nhóm hàng đầu vào quan trọng; giá cả một số nguyên vật liệu, hàng hoá tăng trên thị trường thế giới cộng hưởng với việc điều chỉnh tỷ giá USD/VND liên ngân hàng tăng 9,3% (từ 11/02/2011); mức lãi suất cho vay cao, trong khi phần lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguồn vốn hoạt động là từ vốn vay ngân hàng....

Tuy nhiên, từ quý 2/2011, tình hình sản xuất đi vào ổn định hơn sau nhiều biến động

trong quý 1, đồng thời các doanh nghiệp cũng đã chuẩn bị phương án sản xuất nên khu vực công nghiệp vẫn tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hợp lý so với cùng kỳ năm trước. Đến cuối năm 2011, tổng giá trị sản xuất công nghiệp đã tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả khả quan này nhờ vào mức tăng trưởng tốt ở khu vực sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân với mức tăng trưởng lần lượt là 18,4% và 17,0% (Nguồn: Tổng cục Thống kê).



Nguồn: Tổng cục Thống kê

3.1.3 Tổng vốn đầu tư và cơ cấu đầu tư

Trong giai đoạn 2006 đến nay, mặc dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng Việt Nam tiếp tục huy động được lượng vốn đầu tư lớn, góp phần vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng tăng nhanh qua các năm. Năm 2011, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 877,9 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,2 lần so với năm 2006 (398,9 nghìn tỷ đồng). Với tốc độ tăng cao như vậy, tỷ lệ vốn đầu tư/GDP tiếp tục duy trì ở mức cao (trên 40%) trong cả giai đoạn 2006-2010; tuy nhiên, cùng với sự giảm tốc đầu tư theo tinh thần Nghị quyết 11 về giảm tổng cầu nhằm kiểm soát lạm phát, tỷ lệ này đã giảm mạnh xuống còn 34,6% năm 2011.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Với tỷ lệ vốn đầu tư/GDP ước đạt khoảng 34,6%, cùng mức tăng GDP 5,89%, ICOR

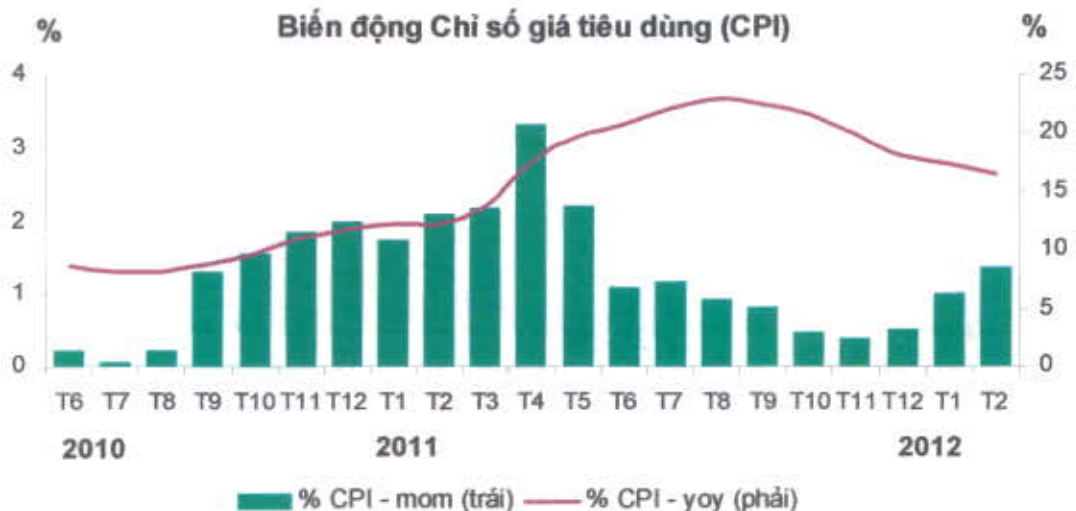
năm 2011 ước đạt 5,9, thấp hơn mức ICOR năm 2010 là 7,38 và mức trung bình của giai đoạn 2006 – 2010 là 7,17. Đây thực sự là tín hiệu tốt cho thấy, trước những khó khăn chung, các khu vực kinh tế đã phát huy tốt năng lực sản xuất, nhờ đó hiệu quả đầu tư được cải thiện đáng kể.

3.1.4 Lạm phát tăng cao và giải pháp của Chính phủ

Lạm phát tăng cao là vấn đề nổi trội nhất trong năm 2011 và kiểm chế lạm phát trở thành mục tiêu hàng đầu của Chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô năm 2011.

Mục tiêu kiểm soát CPI tăng dưới 7% của Chính phủ ngay từ đầu năm đã có nguy cơ khó thực hiện khi mức lạm phát tăng cao trong 4 tháng đầu năm lên tới mức 3,32% trong tháng 4 do sức ép từ tỷ giá, giá cả hàng hóa năng lượng và cung tiền. Quyết định điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng tới 9,3% cộng thêm với 2 lần điều chỉnh giá xăng (tăng 26,83%) và điều chỉnh giá điện (tăng 15,28%) đã trực tiếp ảnh hưởng mạnh đến lạm phát trong các tháng sau đó và đến hết tháng 6 CPI đã tăng 13,29%, tức gần gấp 2 lần mục tiêu cả năm.

Sau khi liên tiếp tăng cao và đạt đỉnh ở mức 23,02% vào tháng 8/2011, nhờ những nỗ lực ổn định quyết liệt của Chính phủ (Nghị quyết 11/NQ-CP với những giải pháp kết hợp cả chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để tập trung ổn định kinh tế vĩ mô), CPI theo tháng đã liên tục giảm tốc và xuống dưới 1% trong 4 tháng liên tiếp sau đó. Như vậy dù gần đạt mục tiêu đã điều chỉnh (18% - Nghị quyết 86/NQ-CP, ngày 5/7/2011) nhưng với mức tăng cả năm 18,13%, năm 2011 là năm lạm phát tăng với tốc độ cao trong 15 năm trở lại đây và chỉ thấp hơn mức 22,97% của năm 2008.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

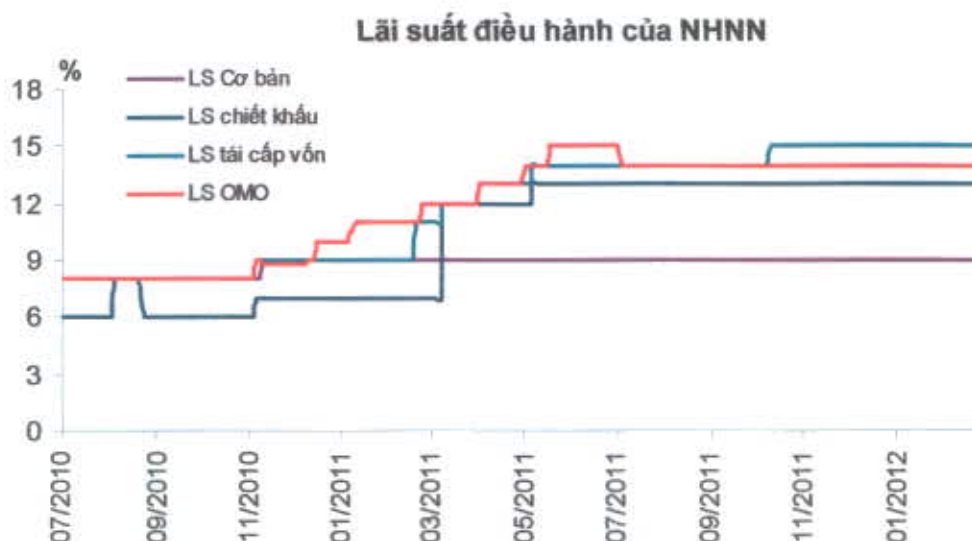
Bước sang năm 2012, lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại khi CPI tháng 1 và tháng 2 tăng liên tục trên mức 1%. Tuy nhiên, xét theo yếu tố mùa vụ, 2 tháng đầu năm 2012 rơi vào lễ Tết Nguyên Đán nên CPI theo tháng tăng không phải là dấu hiệu bất thường. Ngược lại, so với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 1 và tháng 2 tiếp tục hình thành xu hướng giảm dần.

Như vậy, những tín hiệu tích cực như nỗ lực bình ổn giá xăng dầu, sự cộng hưởng từ

xu hướng giá cả hàng hóa thế giới và yếu tố thắt chặt tiền tệ trước đó khiến cho áp lực lạm phát sụt giảm. Đây thực sự là kết quả khả quan, là cơ sở để giảm lãi suất và bình ổn kinh tế vĩ mô trong thời gian tới. Do đó, Chính phủ đã ban hành **Nghị Quyết 01/2012/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu điều hành kinh tế - xã hội năm 2012** (Ngày 3/1/2012). Theo đó, Chính phủ đề ra 7 nhóm giải pháp nhằm thực hiện kế hoạch năm 2012, trong đó, tập trung kiểm chế lạm phát và ổn định vĩ mô là giải pháp được đặt lên hàng đầu.

3.1.5 Biến động lãi suất và thanh khoản hệ thống ngân hàng

Trên cơ sở Nghị quyết 11/NQ-CP, NHNN đã thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm giảm tổng cầu của nền kinh tế. Trong năm 2011, NHNN tiến hành các đợt điều chỉnh đưa lãi suất chiết khấu từ 7% vào đầu năm lên đến 13% và lãi suất tái cấp vốn từ 9% lên 15% từ ngày 10/10/2011. Cùng với đó, lãi suất trên thị trường mở cũng trải qua các đợt tăng từ 10% lên 15% và được điều chỉnh giảm xuống 14% từ đầu tháng 7/2011.



Nguồn: Reuters

Tại cuộc họp ngày 26/8/2011 giữa NHNN và 12 ngân hàng thương mại, các NHTM đã cam kết thực hiện nghiêm chỉnh trần lãi suất huy động 14%/năm và đồng thuận giảm lãi suất cho vay đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh từ giữa tháng 9/2011. Về mặt quy định, NHNN đã ban hành Thông tư 30/2011/TT-NHNN (thay thế Thông tư 02/2011/TT-NHNN), khống chế mức trần lãi suất huy động 14% đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng trở lên và 6%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng. Thực tế, theo báo cáo của NHNN, đến cuối năm, trong khi trần lãi suất huy động được thực hiện tốt thì lãi suất cho vay vẫn ở mức cao, chưa giảm như mong muốn của NHNN.

Sau biện pháp kiên quyết của NHNN nhằm kiểm soát trần lãi suất, khó khăn thanh khoản nhanh chóng xuất hiện ở nhiều ngân hàng. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng tăng nhanh và không ngừng thiết lập những kỷ lục mới. Trước tình hình này, NHNN đã hỗ trợ vốn cho các NHTM qua kênh thị trường mở. Từ ngày 19/10, NHNN đã cho giao dịch trở lại 2 phiên/ngày trên OMO nhằm sử dụng linh hoạt công cụ điều tiết này. Tuy nhiên, thị trường liên ngân hàng vẫn tiếp tục căng thẳng đến trước Tết Nguyên Đán (2012), trong khi khó khăn

thanh khoản chưa được giải quyết. Từ sau Tết, giao dịch liên ngân hàng trầm lắng và lãi suất cũng dần ổn định.



Nguồn: Reuters

Sự kiện lớn nhất trong năm 2011 có khởi nguồn từ khó khăn thanh khoản là sự kiện hợp nhất 3 ngân hàng: NHTM cổ phần Sài Gòn, NHTM cổ phần Đệ Nhất và NHTM cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa. Ngân hàng hợp nhất lấy tên gọi là NHTM cổ phần Sài Gòn, chính thức hoạt động từ 1/1/2012.

3.1.6 Tăng trưởng tín dụng và huy động vốn



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, ACBC tổng hợp

Năm 2011 trở thành năm ghi lại dấu ấn đặc biệt trên thị trường tài chính – ngân hàng. Đây là năm đầu tiên sau 15 năm, tăng trưởng tín dụng chỉ đạt 11%, tổng phương tiện thanh toán (M2) tăng 9,3%, mức thấp kỷ lục trong hơn 10 năm qua. Bên cạnh đó, lạm phát tăng mạnh, cùng với biến động phức tạp của giá vàng khiến kênh huy động vốn của toàn hệ thống ngân hàng gặp nhiều khó khăn, khi tổng nguồn vốn huy động cả năm 2011 chỉ tăng khoảng 9,9% so với năm 2010.

Sau mức tăng trưởng đột biến của năm 2010 (49,3%), dư nợ tín dụng ngoại tệ (USD) năm 2011 chỉ tăng 18,7%, về gần với các năm 2008, 2009; dư nợ tín dụng VND tăng 10,2%

(năm 2010 tăng 25,3%). Trong năm qua, Ngân hàng Nhà nước đã có những động thái kiểm soát dòng vốn này theo hướng thu hẹp các nhóm đối tượng, chủ yếu dành cho các doanh nghiệp xuất khẩu hoặc chứng minh được có nguồn ngoại tệ trả nợ. Điều này hạn chế bớt áp lực cầu ngoại tệ đối với tỷ giá khi các khoản vay đáo hạn và thực tế cho thấy, tăng trưởng tín dụng ngoại tệ cũng đã có xu hướng ổn định trở lại, sau sự bùng nổ của năm 2010.

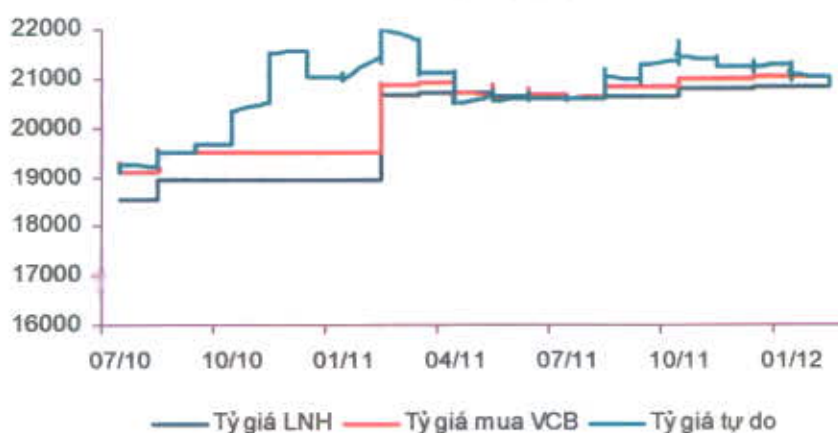
Trong năm 2012, chênh lệch lãi suất giữa USD với VND vẫn tiếp tục cao, tạo thêm hấp dẫn cho tín dụng ngoại tệ. Thêm nữa, NHNN cũng đã đưa ra dự kiến kiểm soát biến động tỷ giá VND/USD trong năm nay trong khoảng 2% – 3%, một thông điệp về giảm thiểu những rủi ro tỷ giá. Tín dụng ngoại tệ sẽ tiếp tục là dòng chảy chủ đạo, nhưng có chọn lọc.

Năm 2011 cũng là năm đầu tiên NHNN kiểm soát tỷ lệ dư nợ phi sản xuất đến cuối năm không quá 16% tổng dư nợ. Chứng khoán và bất động sản là 2 lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sự điều tiết này. Đồng thời nhiều tổ chức tín dụng cũng gặp khó khăn để đạt được tỷ lệ cho phép của NHNN. Trước tình hình đó, ngày 14/11, NHNN đã có văn bản cho phép các tổ chức tín dụng loại trừ 4 nhóm đối tượng vay vốn khỏi nhóm dư nợ phi sản xuất.

3.1.7 Thị trường ngoại hối

Sau nhiều giải pháp được NHNN triển khai từ cuối tháng 3/2011, tỷ giá VND/USD trở về trạng thái ổn định trong thời gian dài. Các biện pháp mạnh tay đối với thị trường ngoại tệ tự do, cùng quy định kết hối đối với các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đã giúp tăng nguồn cung ngoại tệ trong hệ thống ngân hàng, cải thiện đáng kể trạng thái ngoại hối và cung, cầu trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Theo số liệu của IMF, đến cuối tháng 5/2011, dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã đạt 13,5 tỷ USD, tăng gần 1 tỷ USD so với đầu năm. Nhờ những giải pháp được thực hiện đồng bộ, tỷ giá VND/USD trên hai thị trường thu hẹp khoảng cách đáng kể và bình ổn trong suốt 6 tháng cuối năm 2011 và 2 tháng đầu năm 2012.

Biến động tỷ giá



Nguồn: Reuters

Như vậy, từ nửa sau năm 2011 NHNN đã thành công trong bình ổn tỷ giá và thị trường ngoại hối. Bên cạnh công tác quản lý điều hành, nhật ký biến động tỷ giá 2011 đã chứng kiến một sự hậu thuẫn lớn từ những yếu tố vĩ mô. Nhập siêu đã giảm rất mạnh trong

năm nay và đặc biệt là sự trở lại ấn tượng của trạng thái thặng dư cán cân tổng thể (ước tính thặng dư 2,5 tỷ USD – Nguồn: NHNN). Ngoài ra, phải kể đến hiệu ứng tích cực từ Nghị định 95/2011/NĐ-CP (ngày 20/10/2011) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng theo hướng tăng nặng mức phạt lên tới 300 - 500 triệu đồng đã hạn chế tình trạng mua bán, giao dịch hàng hóa bằng USD.

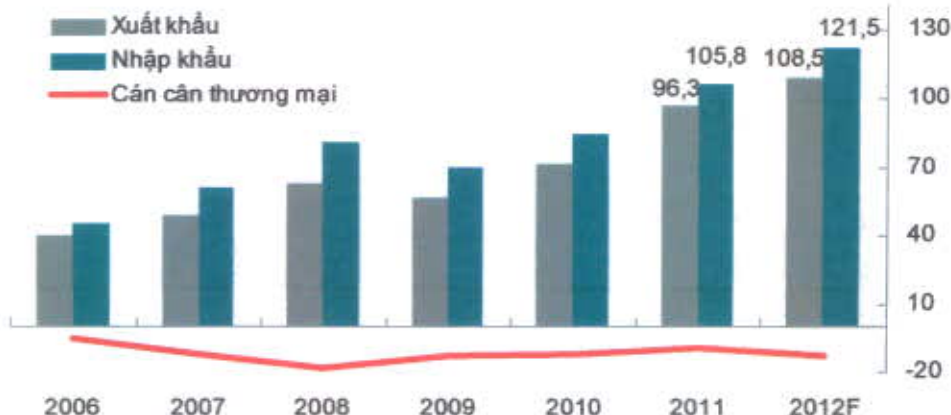
3.1.8 Xuất, nhập khẩu và cán cân thương mại

Năm 2011 có thể xem là năm thành công nhất đối với hoạt động ngoại thương trong 10 năm qua, với tổng kim ngạch xuất-nhập khẩu vượt mức 200 tỷ USD, giúp Việt Nam vượt Philippines để giữ vị trí thứ 5 về xuất nhập khẩu trong khu vực Đông Nam Á, chỉ còn xếp sau Singapore, Thái Lan, Indonesia và Malaysia.

Xuất khẩu có thể được xem là điểm sáng của bức tranh kinh tế năm 2011, khi tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 96,3 tỷ USD, tăng 33,3% trong năm nay, so với mức tăng 27% trong năm 2010. Ở chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu năm 2011 ước đạt 105,8 tỷ USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ năm 2010.

Tương tự năm 2009, trạng thái ngoại thương năm 2011 có nhiều đột biến, đặc biệt trong quý 3. Ở giai đoạn này, cán cân thương mại biến động dữ dội giữa các mốc xuất siêu hơn 1,1 tỷ USD trong tháng 7, sang nhập siêu trên 1,5 tỷ USD của tháng 9. Tuy nhiên, về tổng thể nhập siêu đã được kiểm soát tốt hơn, với con số ước tính trong năm khoảng 9,5 tỷ USD, thấp hơn nhiều năm 2010 (nhập siêu 12,6 tỷ USD) và 2009 (12,85 tỷ USD). Tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu giảm xuống 10,4%, so với mức 17,5% của năm 2010.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu và nhập siêu 2005-2011 tỷ usd



Nguồn: Tổng cục Thống kê, dự đoán 2012 của Bộ Công Thương

Mặc dù kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán kéo dài, nhưng tháng đầu tiên của năm 2012 đã gây bất ngờ khi xuất siêu đạt 172 triệu USD. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu tháng 1/2012 đạt xấp xỉ 7,1 tỷ USD, trong khi đó, nhập khẩu chỉ ở mức trên 6,9 tỷ USD kim ngạch, giúp cán cân ngoại thương thặng dư 172 triệu USD. Kết quả tích cực này mở đầu triển vọng lạc quan cho ngoại thương Việt Nam trong năm 2012.

3.2 Thị trường Chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

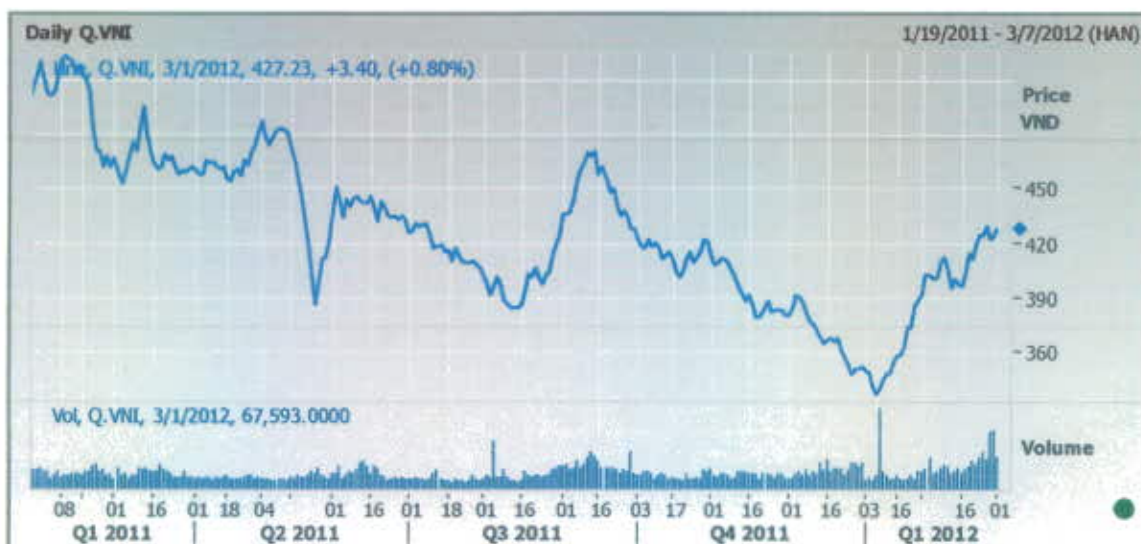
3.2.1 Thị trường Chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán năm 2011 chịu ảnh hưởng và phản ánh những khó khăn, bất ổn của kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước. Đồng thời TTCK cũng chịu những tác động trực tiếp của chính sách tiền tệ thắt chặt, đặc biệt là chủ trương cắt giảm tỷ lệ dư nợ tín dụng phi sản xuất trên tổng dư nợ của ngành ngân hàng xuống 22% (30/6/2011) và 16% (31/12/2011) theo Chỉ thị 01/CT-NHNN được NHNN ban hành ngày 1/3/2011.

Kết thúc năm 2011, chỉ số VN-Index đã giảm 27,53% so với năm 2010, từ mức 484,66 điểm phiên cuối năm 2010 xuống 351,55 điểm, trong khi HNX-Index liên tục lao dốc về vùng đáy thấp nhất trong lịch sử giao dịch của sàn Hà Nội với mức giảm cùng kỳ lên tới 48,6%, từ mức 114,24 điểm xuống 58,74 điểm. Cùng với sự sụt giảm về điểm số, dòng tiền vào kênh chứng khoán trong năm 2011 cũng giảm mạnh đáng kể. Điều này phần nào phản ánh qua giá trị giao dịch thực hiện trên 2 sàn trong năm vừa qua. Năm 2011, tổng giá trị giao dịch thực hiện trên 2 sàn là 251,8 nghìn tỷ đồng, trung bình mỗi phiên là 505,7 tỷ đồng, thấp hơn rất nhiều so với năm 2010. Dòng tiền yếu còn thể hiện qua lượng cầu sụt giảm, từ mức xấp xỉ 68 triệu đơn vị mỗi phiên (năm 2010) xuống 42,8 triệu đơn vị mỗi phiên trong năm 2011, tương ứng giảm 29,1%.

Điểm nhấn trong năm 2011 là hai đợt phục hồi kỹ thuật vào cuối tháng 5 và giữa tháng 8/2011. Đặc biệt, đợt tăng điểm từ giữa tháng 8 ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường với thanh khoản tăng vọt, nhờ những diễn biến tích cực của tình hình kinh tế vĩ mô, khi lạm phát giảm dần và lãi suất có dấu hiệu được điều chỉnh. VN-Index chính thức đạt đỉnh 470,67 điểm (15/09/2011), HNX-Index cũng thiết lập mức cao nhất từ đầu năm với 79,25 điểm (13/09/2011). Khoảng thời gian sau đó kéo dài đến cuối năm, 2 chỉ số chính trên 2 sàn liên tục sụt giảm cả về khối lượng lẫn giá trị.

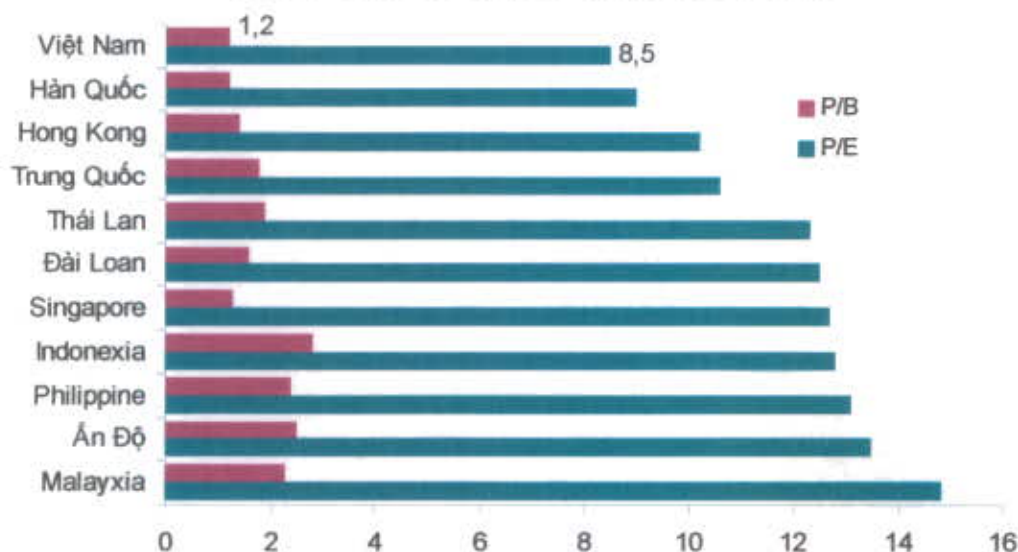
Diễn biến VN-Index năm 2011



Nguồn: Reuters



P/E, P/B thị trường chứng khoán các nước



Nguồn: Reuters (31/12/2011)

Tựu trung lại, bên cạnh yếu tố mặt bằng giá thấp của cổ phiếu, các thông tin tích cực như lạm phát ở mức thấp, lãi suất trong xu hướng hạ, tỷ giá ổn định... sẽ có nhiều tác động tích cực đến thị trường trong năm 2012. Sự phục hồi ấn tượng của thị trường sau 2 tháng đầu năm (VN-Index tăng 20,5%, đạt 423,6 điểm; HNX-Index tăng 18,5%, đạt 69,5 điểm) khởi đầu một năm giao dịch sôi động và nhiều bất ngờ của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

3.2.2 Cơ hội đầu tư

Với nhận định về kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán trên, có thể nhận thấy cơ hội đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp có giá trị tăng trưởng tốt vẫn có khả thi cao, cụ thể:

- Ở điểm thời điểm hiện tại TTCK Việt Nam đang giao dịch ở mức P/E thấp, đây là cơ hội đầu tư tích lũy vào những cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng và hoạt động hiệu quả.
- Trong bối cảnh khó khăn hiện tại, khi mặt bằng giá mới hiện đang ở mức thấp kết hợp với tiềm năng tăng trưởng cao, đây là cơ hội thích hợp cho nhà đầu tư thực hiện tái cơ cấu danh mục. Mặt khác, đây cũng là lợi thế cho các nhà đầu tư đang có lượng tiền mặt lớn gia tăng đầu tư như Quỹ đầu tư ACBGF.
- Ngoài ra, với sự góp mặt của các doanh nghiệp lớn của nhà nước trên Sở giao dịch chứng khoán trong thời gian tới sẽ tạo ra nguồn cung hàng hóa dồi dào, đây là cơ hội lựa chọn đầu tư vào những doanh nghiệp niêm yết qui mô lớn và thanh khoản cao trên thị trường. Bên cạnh đó, cổ phần các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân thành công ty đại chúng cũng là cơ hội lựa chọn đầu tư cho Quỹ ACBGF.

PHẦN IV

THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB (ACBGF)

4.1 Thông tin chung về Quỹ

4.1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ ACBGF

- Tên Quỹ : QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB
- Tên tiếng Anh : ACB GROWTH FUND
- Tên giao viết tắt : ACBGF
- Loại hình Quỹ : Quỹ đại chúng dạng đóng
- Địa chỉ liên hệ : QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG ACB (ACBGF)

Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 6290 5989 Fax: (84.8) 6290 5987

Email: acbcinfo@acb.com.vn

Website: www.acbcapital.com.vn

4.1.2 Ban đại diện Quỹ

Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư và do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là ba (03) năm, và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo. Ban đại diện Quỹ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Các thành viên Ban đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB gồm có:

Stt	Họ tên thành viên Ban đại diện/ Địa chỉ	Chức vụ	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số CCQ năm giữ	Kinh nghiệm làm việc
1	Nguyễn Ngọc Hùng		020044663	1.000	1980 – 1994: Giáo viên Trường THNH 3 TW
	Đại diện: Công ty Cổ phần Địa ốc ACB	Chủ tịch Ban	Giấy CNDKKD số 0302487157	17.600.000	1994 – 2000: Trưởng phòng Thẩm định tài sản, Ngân hàng Á Châu
	29Ter Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM	đại diện	do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp		2000 – 2008: Kinh doanh tự do
		Quỹ			2008 – 2009: Phó tổng giám đốc, Công ty cổ phần Địa ốc ACB
					2009 – 2011: Phó chủ tịch

Stt	Họ tên thành viên Ban đại diện/ Địa chỉ	Chức vụ	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số CCQ năm giữ	Kinh nghiệm làm việc
					Công ty TNHH MTV Thẩm định giá địa ốc Á Châu (AREV) 07/2011 – nay: Tổng giám đốc, Công ty AREV
2	Huỳnh Sơn Trung Đại diện: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư & Chuyển tiền Việt Nam 29 Ter Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM	Thành viên	024889424 Giấy CNDKKD số 0302109349 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp	0 4.000.000	1998 – 2002: Chuyên viên Hệ thống thông tin, Công ty Samsung Vina 2003 – 2004: Chuyên viên Hệ thống thông tin, Công ty Metro Cash & Carry 2004 – 2007: Giám đốc R&D/ Đầu tư, Công ty Vạn Phát Hưng 2007 – 2008: Giám đốc đầu tư/ Tự doanh, Công ty Chứng khoán Sen Vàng 2008 – 2009: Phó giám đốc Khối Đầu tư, Công ty CP Đầu tư Nam Long 2009 – nay: Phó tổng giám đốc/ Đầu tư, Công ty CP Địa ốc ACB
3	Lê Thanh Hải Đại diện: Công ty TNHH Chứng khoán ACB 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TPHCM	Thành viên	025073037 Giấy phép hoạt động số 06/GPHĐKD do UBCKNN cấp	1.000 2.000.000	2001 – 2002: Nhân viên tư vấn pháp luật, Công ty TNHH Tư vấn Lý luật 2002 – 2006: Nhân viên pháp chế, Phòng pháp chế, Ngân hàng TMCP Á Châu 2006 – 2008: Trưởng phòng thẩm định Tài sản, Ngân hàng TMCP Á Châu 2008 – nay: Trưởng phòng pháp chế, Trưởng phòng thẩm định tài sản, Ngân hàng TMCP Á Châu

4.1.3 Quá trình thành lập quỹ

Quỹ ACBGF được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành chứng khoán

lần đầu ra công chúng theo giấy phép số 29/GCN-UBCK vào ngày 22/2/2011 và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 01/GCN-UBCK vào ngày 30/6/2011.

Quỹ ACBGF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể trước hạn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ ACBGF là 240.080.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tỷ không trăm tám mươi triệu đồng Việt Nam). Số vốn này được chia thành hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn (24.008.000) đơn vị Quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị Quỹ là mười ngàn (10.000) đồng Việt Nam.

Kết quả huy động vốn ban đầu cho Quỹ ACBGF

- Tên quỹ phát hành: Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (Quỹ ACBGF)
- Loại hình quỹ: Quỹ đại chúng dạng đóng.
- Mệnh giá: 10.000 VND (Mười nghìn đồng Việt Nam)
- Tổng số lượng chứng chỉ quỹ thực tế phân phối: 24.008.000 (Hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn) đơn vị quỹ.
- Tổng giá trị thực tế huy động (trừ các loại phí liên quan đến phát hành): 240.080.000.000 VND (Hai trăm bốn mươi tỷ không trăm tám mươi triệu đồng Việt Nam).
- Ngày phát hành: 22/4/2011
- Ngày kết thúc huy động vốn: 22/6/2011
- Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
- Tài khoản nộp tiền: 90147142201 tại Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Báo cáo kết quả huy động vốn đã được ngân hàng giám sát xác nhận và đệ trình UBCKNN.

Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ACBGF là quỹ đại chúng dạng đóng. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có trách nhiệm mua lại Chứng Chỉ Quỹ ACBGF đã được phát hành cho nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của quỹ là năm (05) năm theo mục tiêu hoạt động của Quỹ và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm phụ thuộc vào đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

4.2 Điều lệ Quỹ

4.2.1 Các điều khoản chung

4.2.1.1. Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ

Quỹ ACBGF là quỹ đại chúng dạng đóng. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có trách nhiệm mua lại Chứng Chỉ Quỹ ACBGF đã được phát hành cho nhà đầu tư.

Đại hội nhà đầu tư bao gồm tất cả nhà đầu tư là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Quỹ ACBGF.

Ban đại diện Quỹ là những người đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt Nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của quỹ ACBGF, Công ty Quản lý Quỹ ACB và Ngân hàng Giám sát. Quyền, nghĩa vụ và thành phần của Ban đại diện Quỹ được quy định trong Chương 5 Điều Lệ Quỹ.

4.2.1.2. Vốn huy động và số lượng đơn vị Quỹ

Tổng vốn của Quỹ ACBGF do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa mở tại Ngân hàng giám sát cho đến ngày ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ.

Tổng số vốn huy động: hai trăm bốn mươi tỷ không trăm tám mươi triệu (240.080.000.000) đồng Việt Nam.

Số lượng: hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám ngàn (24.008.000) đơn vị Quỹ.

Mệnh giá của mỗi đơn vị Quỹ là mười ngàn (10.000) đồng Việt Nam.

Việc tăng hay giảm Vốn Điều lệ phải do Đại hội nhà đầu tư thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ ACBGF, Điều lệ Quỹ sẽ thay đổi tương ứng.

4.2.1.3 Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Quỹ ACBGF chỉ định Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ ACB làm đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ACBGF.

4.2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

4.2.2.1. Mục tiêu đầu tư

- a. Quỹ đầu tư ACBGF hướng đến xây dựng một danh mục đầu tư tăng trưởng và đa dạng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, tối thiểu hóa các rủi ro cho nguồn vốn đầu tư của quỹ, đạt mục tiêu:

- Tăng trưởng giá trị tài sản quỹ trong trung và dài hạn
- Thu nhập hàng năm ổn định cho các nhà đầu tư

- b. Phần lớn các khoản đầu tư sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu của các công ty có tiềm năng và uy tín trên thị trường, trái phiếu Chính phủ. Ngoài ra, Quỹ ACBGF còn hướng tới hỗ trợ các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị, nâng cao năng lực cạnh tranh... trong quá trình đầu tư, gia tăng giá trị các doanh nghiệp nhận đầu tư và giá trị các khoản đầu tư của Quỹ ACBGF.

4.2.2.2. Chiến lược đầu tư

Quỹ ACBGF sẽ tập trung đầu tư vào danh mục tăng trưởng, trên cơ sở chọn lọc đầu tư vào các cổ phiếu tăng trưởng và doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định và tiềm năng tăng trưởng cao. Tiêu chí chọn lựa đầu tư bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố: i) khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần và phát triển sản phẩm của doanh nghiệp; ii) chỉ số tài chính an toàn và hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; iii) mô hình quản trị tiên tiến, công nghệ và kỹ thuật sản xuất hiện đại, chiến lược kinh doanh bền vững; iv) đội ngũ lãnh đạo có năng lực, uy tín, có tầm nhìn chiến lược, gắn bó lâu dài với doanh nghiệp...

Công cụ đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, và các công cụ vốn, nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Các quyết định đầu tư được tiến hành theo quy trình và tiêu chí đầu tư mà ACBC xây dựng dành cho ACBGF được sự phê duyệt của Ban đại diện Quỹ.

Quỹ ACBGF có thể đầu tư ra nước ngoài phụ thuộc vào sự phê chuẩn của UBCKNN, Đại hội Nhà đầu tư và theo quy định của pháp luật hiện hành.

a. Phân bổ tài sản

Để hoàn thành mục tiêu của quỹ, dựa trên thời gian hoạt động của Quỹ ACBGF là năm (05) năm (thời gian hoạt động của Quỹ có thể gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ và quyết định của Đại hội nhà đầu tư), mức độ chịu đựng rủi ro của các nhà đầu tư, việc tối đa hóa lợi nhuận sẽ thông qua sự phân bổ tài sản theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thị trường.

b. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

Chính sách phân bổ ngành nghề của Quỹ ACBGF được cân nhắc dựa trên quy mô vốn hóa của các doanh nghiệp, và trên những phân tích, dự báo ngành nghề của Công ty Quản lý Quỹ về tiềm năng tăng trưởng, mức sinh lời... nhằm đảm bảo mục tiêu của Quỹ ACBGF.

Dưới đây là các nhóm ngành nghề đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào điều kiện thị trường.

- Dịch vụ tài chính - Ngân hàng
- Vật liệu - khai khoáng
- Hạ tầng, bất động sản

- Hàng tiêu dùng
- Công nghiệp năng lượng
- Dịch vụ tiêu dùng
- Dược phẩm - Y tế
- CNTT - Viễn thông
- Khác

c. Tài sản đầu tư

Quỹ ACBGF đầu tư chủ yếu vào các loại tài sản sau:

- Cổ phiếu đang và sẽ niêm yết,
- Trái phiếu niêm yết bao gồm trái phiếu Chính Phủ, trái phiếu địa phương, trái phiếu doanh nghiệp,
- Công cụ tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá một (01) năm,
- Các tài sản khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

4.2.2.3. Các hạn chế đầu tư

Quỹ ACBGF sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về hạn chế đầu tư theo luật pháp hiện hành. Cụ thể như sau:

- a. Không đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ này hoặc vào Chứng Chỉ Quỹ hoặc vốn góp của Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
- b. Đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành tối đa không vượt quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c. Tối đa không đầu tư vượt quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- d. Tối đa không đầu tư vượt quá ba mươi phần trăm (30%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
- e. Tối đa không đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào bất động sản;
- f. Trường hợp được đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản, không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ hoặc các tài sản tài chính khác theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều

10 trong Điều lệ Quỹ.

- g. Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
- h. Không được phép vay để tài trợ cho hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- i. Trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 11 Điều lệ Quỹ, cơ cấu đầu tư của Quỹ có thể sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại Điều 11 Điều lệ Quỹ. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng hoặc giảm giá trị thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các khoản thanh toán hợp pháp của Quỹ đại chúng.
- j. Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại Điều lệ Quỹ.

4.2.2.4. Phương pháp đầu tư

a. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu

- Trong quá trình đầu tư, ACBC sẽ thực hiện một quy trình nghiên cứu, đánh giá và thẩm định đầu tư áp dụng chiến lược đầu tư tích cực trong việc quản lý Quỹ ACBGF, tận dụng tối đa các cơ hội đầu tư tốt, có hiệu quả trong trung và dài hạn và gia tăng giá trị cho các khoản đầu tư của Quỹ ACBGF.
- ACBC sẽ áp dụng phương pháp phân tích từ trên xuống gồm phân tích vĩ mô, phân tích ngành, phân tích công ty. Phương pháp này nhằm chọn ra những ngành nghề hiệu quả, tiềm năng để từ đó lựa chọn công ty tăng trưởng cao với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư. ACBC sẽ tiến hành phân tích kỹ thuật để xác định mức giá và thời điểm thực hiện đầu tư.
- ACBC tiến hành phân tích ngành thông qua phân tích chu kỳ hoạt động, dự đoán tăng trưởng, đánh giá mức độ lợi nhuận và rủi ro, chính sách Nhà nước đối với ngành, tầm ảnh hưởng trong mối quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp, đe dọa từ đối thủ mới, cạnh tranh giữa các công ty trong ngành và của sản phẩm thay thế, mức ảnh hưởng ngành từ các thay đổi về xã hội, công nghệ....
- Đối với phân tích công ty, hiệu quả hoạt động là kim chỉ nam mà ACBC chú trọng trong quá trình thẩm định đầu tư. Công ty sẽ tập trung thẩm định các tiêu chí về quản trị, tính minh bạch, tiềm năng tăng trưởng, các tiêu chí tài chính thể hiện hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng vốn của công ty.
- Ngoài việc đầu tư nêu trên, ACBC sẽ kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư bằng

cách nghiên cứu kỹ các báo cáo tài chính định kỳ và giữ quan hệ với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc các công ty đã đầu tư. Bộ phận nghiên cứu sẽ liên tục cập nhật các thông tin có liên quan đến các ngành nghề, lĩnh vực đầu tư để có thể sẵn sàng đưa ra giải pháp tốt nhất trong quá trình đầu tư. Bên cạnh đó, ban điều hành quỹ sẽ hỗ trợ công ty đầu tư về mặt quản trị chiến lược, cơ cấu tài chính nhằm tạo ra giá trị gia tăng đối với các khoản mà Quỹ ACBGF tham gia đầu tư.

b. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ nợ

- ACBC tập trung khai thác cơ hội gia tăng giá trị của các khoản đầu tư, chú trọng đến lãi suất trái phiếu sau khi đã điều chỉnh tỷ lệ lạm phát. Mức lãi suất thực hiện hành trên thị trường hoặc lãi suất trái phiếu sắp phát hành là mức lãi suất chuẩn mà ACBC áp dụng để định giá các công cụ nợ kết hợp với việc phân tích tín nhiệm cơ bản.
- ACBC áp dụng chính sách quản lý tích cực trong đầu tư vào công cụ nợ, thường dưới hình thức những khoản gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp hoặc trái phiếu chính phủ. Quỹ ACBGF cũng đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của các doanh nghiệp theo phương pháp lựa chọn đầu tư cổ phiếu đã nêu tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ Quỹ.

4.2.3 Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư

4.2.3.1. Nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư cá nhân và nhà đầu tư pháp nhân trong nước và nước ngoài sở hữu ít nhất từ một nghìn (1.000) Chứng chỉ Quỹ ACBGF trở lên trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Khi Quỹ được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, hạn chế nêu trên được bãi bỏ và sẽ chỉ tuân thủ theo quy định của pháp luật có liên quan. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ gì khác đối với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- b. Nhà đầu tư pháp nhân là những tổ chức kinh tế xã hội được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Nhà đầu tư pháp nhân này chỉ định người đại diện hợp pháp để đại diện cho quyền phát sinh từ số lượng chứng chỉ Quỹ ACBGF mà họ nắm giữ. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản cho Quỹ ACBGF và Công ty Quản lý Quỹ và do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư đồng ý bằng văn bản.
- c. Hạn chế về tỉ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- a. Nhà đầu tư có những quyền sau:

- Hưởng lợi nhuận từ hoạt động đầu tư của Quỹ ACBGF theo tỷ lệ vốn góp tương ứng của Nhà đầu tư;
- Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
- Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- Được quyền mua thêm Chứng chỉ Quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu Chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- Khiếu nại Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc những tổ chức có liên quan nếu những tổ chức này vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
- Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư, quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ Quỹ;
- Tự ứng cử hoặc được đề cử vào Ban đại diện Quỹ nếu Nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn đề ra tại khoản 1 Điều 25 của Điều lệ Quỹ; Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát có quyền đề cử nhà đầu tư vào thành viên Ban đại diện Quỹ.
- Giao dịch, chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ phù hợp với các quy định của Điều lệ Quỹ;
- Thực hiện các quyền khác được quy định trong Điều lệ Quỹ.

b. Nhà đầu tư có các nghĩa vụ:

- Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành những quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
- Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ ACBGF như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp;
- Tuân thủ quy định pháp luật về phòng chống rửa tiền. Công ty Quản lý Quỹ hoặc Đại lý phân phối được ủy quyền có quyền yêu cầu nhà đầu tư cung cấp thông tin cần thiết để xác định nhân thân của nhà đầu tư;
- Những nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ Quỹ.

4.2.3.3. Sổ đăng ký nhà đầu tư

- a. Công ty Quản lý Quỹ phải lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ ACBGF hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký Nhà đầu tư của Quỹ ACBGF có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- b. Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các nội dung sau:

- Tên Quỹ;
- Số giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
- Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
- Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, loại chứng chỉ quỹ được quyền chào bán;
- Số lượng chứng chỉ Quỹ thực tế đã phát hành và tổng giá trị vốn góp;
- Danh sách nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ngày lập Sổ đăng ký Nhà đầu tư.
- Sổ đăng ký Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ lưu giữ và thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và cho tất cả các nhà đầu tư biết nơi lưu giữ.

4.2.3.4. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

Quỹ ACBGF là Quỹ đóng, do đó Công ty Quản lý Quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư;

Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ ACBGF sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ.

4.2.3.5. Thừa kế chứng chỉ quỹ

Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ ACBGF chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ do việc thừa kế sẽ tuân theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và chi nhánh Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4.2.4 Phân phối kết quả hoạt động

4.2.4.1. Thu nhập Quỹ

Thu nhập Quỹ bao gồm:

- a. Cổ tức
- b. Lãi trái phiếu

- c. Lãi tiền gửi kỳ hạn và không kỳ hạn
- d. Chênh lệch giá mua bán các khoản đầu tư của Quỹ
- e. Thu nhập khác từ hoạt động đầu tư và từ tài sản của Quỹ

4.2.4.2. Phân phối cổ tức Quỹ

- a. Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.
- b. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ ACBGF cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết sáu (06) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá mười hai (12) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.
- c. Bất kỳ nhà đầu tư nào chuyển nhượng số đơn vị Quỹ của mình sau khi khóa Sổ đăng ký nhà đầu tư có quyền nhận cổ tức phát sinh trong giai đoạn này.
- d. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư vào Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có quyền khấu trừ các khoản thuế thu nhập này trước khi chi trả Cổ tức cho nhà đầu tư phù hợp với phương pháp nộp thuế mà nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

4.2.4.3. Giải quyết thua lỗ của Quỹ

- a. Trong trường hợp Quỹ ACBGF bị tổn thất hoặc thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì Nhà đầu tư phải gánh chịu khoản thua lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và không nhận Cổ tức Quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội nhà đầu tư các giải pháp có thể như sau:
 - Giữ nguyên mức Vốn điều lệ; hoặc
 - Giảm và đăng ký lại Vốn Điều lệ mới; hoặc
 - Tăng Vốn Điều lệ Quỹ từ nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ vốn góp của họ; hoặc

▪ Giải thể Quỹ.

- b. Việc tăng hay giảm Vốn Điều lệ phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Việc giải thể Quỹ sẽ phải tuân theo các quy định nêu tại chương XI (Giải thể Quỹ đầu tư Chứng khoán) của Điều lệ Quỹ.

4.2.5 Đại hội nhà đầu tư

4.2.5.1. Đại hội nhà đầu tư thường niên

- a. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước ngày họp đều có quyền tham dự Đại hội nhà đầu tư.
- b. Đại hội nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.
- c. Đại hội nhà đầu tư lần đầu tiên do Công ty Quản lý Quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- d. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Quỹ thanh toán.

4.2.5.2. Đại hội nhà đầu tư bất thường

- a. Đại hội nhà đầu tư bất thường được Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhóm nhà đầu tư nắm giữ ít nhất 10% vốn điều lệ liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng triệu tập trong những trường hợp sau đây:
- Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ ;
 - Xem xét thay thế Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
 - Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - Xem xét việc giải thể Quỹ;
 - Xem xét sáp nhập, hợp nhất Quỹ với những Quỹ khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý;
 - Số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại dưới ba (03) thành viên.
- b. Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Quỹ phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư.

- c. Chi phí của Đại hội nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Quỹ. Trong trường hợp này, chi phí tổ chức Đại hội bất thường do Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm thanh toán.

4.2.5.3. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội nhà đầu tư có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Bầu, bãi miễn, thay thế Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ; bổ nhiệm bổ sung thành viên của Ban đại diện Quỹ trong trường hợp số thành viên của Ban đại diện Quỹ ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà pháp luật yêu cầu như nêu tại Khoản 2 Điều 29 của Điều lệ Quỹ;
- b. Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ ;
- c. Thay đổi chi phí trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát;
- d. Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
- e. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
- f. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể Quỹ;
- g. Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ Quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
- h. Quyết định thay đổi Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát;
- i. Yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- j. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
- k. Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.
- l. Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ.
- m. Quyết định việc sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, chứng khoán phát hành bởi các tổ chức phát hành được điều chỉnh bởi pháp luật nước ngoài.

4.2.5.4. Điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư

- a. Điều kiện tổ chức Đại hội nhà đầu tư
 - Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số Nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn điều lệ Quỹ. Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc ủy quyền

cho người khác tham dự đại hội.

- Trong trường hợp Đại hội không đáp ứng được điều kiện a Khoản 1 Điều 22 Điều lệ Quỹ thì Đại hội tiếp theo sẽ tổ chức trong vòng ba mươi (30) ngày tính từ ngày dự định khai mạc Đại hội trước. Khi đó Đại hội sẽ tổ chức không phụ thuộc vào số lượng Nhà đầu tư tham dự.

b. Quy trình tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư

- Đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội nhà đầu tư thường niên phải được tổ chức dưới hình thức họp tập trung.
- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai cho nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu năm (05) ngày làm việc trước khi tiến hành đại hội.
- Tất cả cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Quản lý Quỹ.

4.2.5.5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

- a. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư sẽ được thông qua bằng cách lấy biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công ty Quản lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- b. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư sẽ được thông qua khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - Quyết định được thông qua bởi số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả các nhà đầu tư tham gia Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, giải thể Quỹ, sáp nhập, hợp nhất Quỹ phải được thông qua bởi số Nhà đầu tư đại diện cho 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các Nhà đầu tư tham dự Đại hội và các Nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.
- c. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận;
- d. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - Thông qua điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát;

- Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ;
 - Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi công ty quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
- e. Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Ban đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ và thực thi các quyết định do Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- f. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội nhà đầu tư Công ty Quản lý Quỹ, Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết đại hội và gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- g. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

4.2.6 Ban đại diện Quỹ

4.2.6.1. Tổ chức Ban đại diện Quỹ

- a. Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi nhà đầu tư và do Đại hội nhà đầu tư bầu ra.
- b. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội nhà đầu tư tiếp theo.
- c. Ban đại diện Quỹ có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) với Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát. Số lượng cụ thể thành viên trong Ban đại diện Quỹ của mỗi nhiệm kỳ sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định.
- d. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.
- e. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ Quỹ, số lượng thành viên còn lại không dưới ba (03) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.
- f. Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới ba (03) thành viên thì Ban đại diện Quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện Quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.

- g. Công ty quản lý Quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý Quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Ngân hàng giám sát.

4.2.6.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

- a. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải là các nhà đầu tư đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- Nắm giữ ít nhất 5% Vốn Điều lệ của Quỹ. Nhóm nhà đầu tư nắm giữ đến tỷ lệ này có quyền đề cử người vào Ban đại diện Quỹ; hoặc
 - Là người có uy tín và kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng được Đại hội nhà đầu tư đề cử.
- b. Các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.
- c. Thành viên Ban đại diện Quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.

4.2.6.3. Quyền và nhiệm vụ Ban đại diện Quỹ

Ban đại diện Quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
- b. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
- c. Giám sát hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ đại chúng phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
- d. Thông qua các giao dịch giữa Quỹ với Công ty quản lý Quỹ, Ngân hàng giám sát, hoặc với người có liên quan phù hợp với những quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành ;
- e. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Quyết định chỉnh sửa, bổ sung những vấn đề cơ bản trong Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, hợp đồng giám sát với sự ủy quyền của đại hội nhà đầu tư;
- g. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư ; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
- h. Kiến nghị việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;

- i. Thông qua các khoản phí hợp lý, hợp lệ khác phát sinh từ hoạt động đầu tư của Quỹ ngoài các khoản phí đã được liệt kê tại Điều lệ Quỹ, phù hợp với đề nghị của Công ty quản lý Quỹ ;
- j. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
- k. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
- l. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hằng năm, hàng quý của Quỹ;
- m. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được chủ tịch ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
- n. Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- o. Đề nghị giải thể Quỹ và kế hoạch giải thể ;
- p. Trên hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường;
- q. Có thể được Chủ tịch ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định;
- r. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- s. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội nhà đầu tư quyết định.
- t. Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 25 của Điều lệ Quỹ và pháp luật.
- u. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư ACBGF theo quy định pháp luật có liên quan.

4.2.6.4. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Đại hội nhà đầu tư sẽ bầu ra Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số các thành viên của Ban đại diện Quỹ. Chủ tịch Ban đại diện phải độc lập và không phải là người có liên quan với Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
- c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- d. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Quỹ.

4.2.6.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

- a. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- b. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt mà không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí để chủ trì cuộc họp.
- c. Trong trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ không còn đủ tư cách làm thành viên Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều 29 Điều lệ Quỹ thì các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ cho đến kỳ họp Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất để Đại hội nhà đầu tư tiến hành bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- d. Các quy định tại khoản 2 và 3 của Điều 28 Điều lệ Quỹ sẽ không được áp dụng nếu số lượng thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại ít hơn ba (03) thành viên.

4.2.6.6. Đình chỉ và bãi miễn Chủ tịch, thành viên Ban đại diện Quỹ

- a. Chủ tịch/thành viên Ban Đại diện quỹ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban đại diện Quỹ trong các trường hợp sau:
 - Bị khởi tố hoặc truy tố hình sự;
 - Bị toà án tuyên bố là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi;
 - Từ chức, hết nhiệm kỳ công tác hoặc chết;
 - Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền.
- b. Đại hội nhà đầu tư sẽ đình chỉ, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Chủ tịch/thành viên của Ban đại diện Quỹ trong những trường hợp sau:
 - Chủ tịch/ thành viên này không còn thỏa mãn tiêu chuẩn chọn lựa ban Đại diện Quỹ quy định tại Khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Quỹ;
 - Bị cách chức thành viên Ban đại diện Quỹ khi có quyết định của Đại hội nhà đầu tư;
 - Thực hiện những hành vi làm tổn hại đến quyền lợi và lợi ích của Nhà đầu tư và

Quý;

- Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Việc chỉ định thành viên thay thế được thông qua tại Đại hội nhà đầu tư thường niên kế tiếp, trừ trường hợp Đại hội nhà đầu tư được triệu tập bất thường do việc bãi nhiệm tư cách thành viên Ban đại diện Quý nêu trên dẫn đến số lượng thành viên của Ban đại diện Quý ít hơn so với số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.6.7. Cuộc họp của Ban đại diện Quý

- a. Ban đại diện Quý sẽ họp ít nhất một quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Chủ tịch Ban đại diện Quý là người triệu tập và điều khiển cuộc họp. Chủ tịch phải gửi thông báo bằng văn bản cho tất cả thành viên Ban đại diện Quý ít nhất là mười (10) ngày trước ngày họp Ban đại diện Quý.
- b. Ban đại diện Quý triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện Quý, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quý.
- c. Số lượng thành viên tối thiểu tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quý là hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của Ban đại diện Quý. Trường hợp Ban đại diện Quý có ba (03) thành viên thì cuộc họp Ban đại diện Quý yêu cầu có sự tham dự đầy đủ của cả ba (03) thành viên Ban đại diện Quý.
- d. Số lượng thành viên tối thiểu để thông qua các vấn đề tại các cuộc họp của Ban đại diện Quý là:
 - Hai phần ba (2/3) tổng số thành viên tham dự. Trong trường hợp số phiếu bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người quyết định cuối cùng;
 - Ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự đối với các vấn đề được quy định tại Khoản 4, 6 và 7 Điều 26 của Điều lệ Quý.
 - Các thành viên tham dự phải nhất trí tuyệt đối với các vấn đề được nêu tại Khoản 5, 9 và 15 Điều 26 của Điều lệ Quý.
 - Trong trường hợp Ban đại diện Quý chỉ có ba (03) thành viên, yêu cầu sự nhất trí tuyệt đối của tất cả thành viên đối với tất cả các vấn đề được quy định tại Điều 26 của Điều lệ Quý.
- e. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự các cuộc họp của Ban đại diện Quý nhưng không được quyền biểu quyết.
- f. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp của Ban đại diện Quý sẽ do Quý thanh toán. Chi phí đi lại và ăn ở liên quan đến cuộc họp của Ban đại diện Quý và chi phí công tác do thành viên Ban đại diện Quý tự thanh toán.

- g. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty Quản lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
- h. Tất cả nội dung trong biên bản họp của Ban đại diện Quỹ chỉ có giá trị hiệu lực và tính thực thi khi được các thành viên trong Ban đại diện Quỹ ký thông qua. Các biên bản này cũng là quyết định của Ban đại diện Quỹ.

4.2.7 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty quản lý Quỹ

4.2.7.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý Quỹ

- a. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- b. Không phải là Người có liên quan với Ngân hàng giám sát;
- c. Có đầy đủ khả năng thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
- d. Được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
- e. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

4.2.7.2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ có các quyền sau:
 - Được hưởng các khoản phí và thưởng được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
 - Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
 - Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.
- b. Công ty Quản lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
 - Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
 - Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
 - Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản

lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;

- Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ ACBGF do nhân viên của Công ty quản lý quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Thành viên, những người quản lý và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- Khi Công ty Quản lý Quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng Thành viên, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ Quỹ;
- Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- Trong trường hợp Ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
- Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ;

4.2.7.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý Quỹ

- a. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ đối với Quỹ sẽ kết thúc trong các trường hợp sau:
 - Công ty Quản lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - Theo đề nghị của Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
 - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép quản lý quỹ dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
 - Công ty Quản lý Quỹ phá sản hay giải thể;

- Công ty Quản lý Quỹ bị sáp nhập hay hợp nhất bởi công ty khác;
- Hết thời hạn hoạt động của Quỹ;

- b. Trong trường hợp nêu tại Điểm a-e, Khoản 1 Điều 33 Điều lệ Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ chuyển cho Công ty Quản lý Quỹ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.7.4. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý Quỹ

- a. Công ty Quản lý Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu với Ngân hàng giám sát của Quỹ mà công ty đang quản lý.
- b. Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ được đăng ký mua chứng chỉ Quỹ đại chúng mà công ty sẽ quản lý trong giai đoạn chào bán chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Các giao dịch chứng chỉ Quỹ sau đợt chào bán lần đầu ra công chúng sẽ tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.
- c. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch, Ban Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, giám đốc Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ phải được báo cáo và quản lý tập trung tại Công ty Quản lý Quỹ dưới sự giám sát của bộ phận Kiểm soát nội bộ.
- d. Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không được là đối tác mua/bán trong giao dịch tài sản đầu tư của Quỹ, trừ trường hợp các giao dịch này được thực hiện thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
- e. Khi Công ty Quản lý Quỹ thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản Quỹ, thành viên Ban giám đốc, Chủ tịch, người điều hành Quỹ và nhân viên của Công ty Quản lý Quỹ không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hay danh nghĩa của Công ty Quản lý Quỹ, bất cứ thù lao hay quyền lợi nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Bản cáo bạch và Điều lệ Quỹ.
- f. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ hay Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ thực hiện giao dịch vì lợi ích của Quỹ, việc phân bổ tài sản và quyền lợi phải được tiến hành một cách công bằng. Các bên giao dịch không được sử dụng tài sản của Quỹ một cách trực tiếp hay gián tiếp để thu lợi ích cho bản thân ngoài lợi ích trực tiếp từ việc họ tham gia vào giao dịch, hoặc vì mục đích nào khác với mục đích phục vụ cho nhà đầu tư của Quỹ.
- g. Công ty quản lý quỹ không được:
 - Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

- Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ đại chúng, Công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thành lập theo pháp luật Việt Nam do mình quản lý.
- h. Công ty Quản lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ, của Công ty đầu tư chứng khoán, tài sản ủy thác để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của Công ty, người có liên quan của Công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty Quản lý Quỹ, người có liên quan hoặc các bên khác.
- i. Không được tiết lộ thông tin về nhà đầu tư, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- j. Không được thực hiện những hành vi làm cho Nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán.
- k. Chủ sở hữu của Công ty Quản lý Quỹ là Công ty TNHH Chứng khoán ACB không được chuyển nhượng cổ phần hoặc phần vốn góp của mình trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB được UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008.

4.2.8 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

4.2.8.1. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- b. Ngân hàng Giám sát, Thành viên Hội đồng Quản trị/Hội đồng Thành viên, Thành viên Ban Giám Đốc, nhân viên trực tiếp của Ngân hàng Giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là Người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công ty Quản lý Quỹ và ngược lại.
- c. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công ty Quản lý Quỹ, Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.
- d. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát/lưu ký.
- e. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều Lệ Quỹ.

4.2.8.2. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng giám sát có các quyền sau:
 - Hưởng các khoản phí, thưởng liên quan đến hoạt động lưu ký và giám sát được quy định trong Điều lệ Quỹ; đề nghị thay đổi mức phí, thưởng.
 - Tham gia Đại hội nhà đầu tư theo quy định của Điều lệ Quỹ;
- b. Ngân hàng giám sát có các nghĩa vụ sau:

- Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ, quản lý tách biệt tài sản của Quỹ và các tài sản khác của Ngân hàng giám sát;
- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp đối với hoạt động lưu ký và giám sát;
- Giám sát để bảo đảm Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, các quy trình nghiệp vụ và quản lý rủi ro;
- Thực hiện đúng và đầy đủ những chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc tiếp nhận, theo dõi, hạch toán các giao dịch liên quan đến tài sản của Quỹ;
- Quản lý tách bạch tài sản của Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ với tài sản của Quỹ khác, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ hay của Ngân hàng giám sát;
- Thay mặt Quỹ thực hiện việc thanh toán, nhận lãi suất, cổ tức và chuyển tiền liên quan đến giao dịch của tài sản Quỹ theo lệnh hợp pháp của Quỹ/ Công ty Quản lý Quỹ;
- Xác nhận báo cáo do Công ty Quản lý Quỹ hoặc bên thứ ba lập phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng Giám sát;
- Giám sát việc tuân thủ chế độ báo cáo và công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Sau khi xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và đảm bảo việc định giá là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ; Trường hợp không phù hợp Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ thông báo và yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ kịp thời điều chỉnh việc định giá cho phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Công ty Quản lý Quỹ;
- Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Công ty Quản lý Quỹ hay tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm Điều lệ Quỹ hoặc pháp luật hiện hành;
- Định kỳ cùng Công ty Quản lý Quỹ kiểm tra, đối chiếu sổ kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động giao dịch của Quỹ;
- Thông báo với Công ty Quản lý Quỹ và UBCKNN trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để trở thành một Ngân hàng giám sát theo quy định của pháp luật.

4.2.8.3 Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng giám sát

- a. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát đối với Quỹ sẽ kết thúc trong những trường hợp sau:
 - Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát đối với Quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư

chấp thuận;

- Theo đề nghị của Công ty Quản lý Quỹ và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
- Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép dịch vụ giám sát/lưu ký dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
- Ngân hàng giám sát chấm dứt hoạt động, bị giải thể, tuyên bố phá sản;
- Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sáp nhập bởi Ngân hàng giám sát khác;
- Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
- Quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

- b. Trong trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều 37 Điều lệ Quỹ, quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát đối với Quỹ sẽ chuyển giao sang Ngân hàng giám sát khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

4.2.9 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4.2.9.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán

- a. Công ty kiểm toán được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
- Có giấy phép kiểm toán cho Bộ Tài chính cấp;
 - Là công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận việc kiểm toán cho Quỹ ;
 - Không phải là Người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát;
 - Công ty Quản lý Quỹ được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền để ký hợp đồng với Công ty Kiểm toán.
- b. Dịch vụ của Công ty Kiểm toán đối với Quỹ sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:
- Bộ Tài chính hay Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thu hồi giấy phép kiểm toán dựa trên quy định của pháp luật hiện hành;
 - Công ty Kiểm toán phá sản hay giải thể;
 - Trường hợp thay đổi, lựa chọn công ty kiểm toán mới sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định.

4.2.9.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Quỹ sẽ là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập

Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

4.2.9.3. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán quỹ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thay mặt Quỹ thực hiện kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế theo quy định pháp luật đối với thu nhập của Quỹ trước khi phân phối cho các nhà đầu tư.

Các nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế đối với phần thu nhập được chia theo quy định của pháp luật về thuế.

4.2.9.4. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ ACBGF và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ đầu tư.

Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hằng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý Quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo tài chính và công bố thông tin.

4.2.9.5. Các báo cáo khác

Công ty quản lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

4.3 Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoảng thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được những khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư quan tâm khi đầu tư vào Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB (ACBGF) và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư quỹ.

4.3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng

phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, với cơ chế quản lý rủi ro hợp lý và sự đa dạng hóa trong phân bổ tài sản sẽ giúp giảm thiểu rủi ro về thị trường.

4.3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro này phát sinh khi lãi suất thị trường tăng thì những khoản đầu tư có thu nhập cố định của quỹ sẽ bị giảm giá trị. Để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến giá trị đầu tư, công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích đánh giá tác động từ xu thế thay đổi lãi suất để có giải pháp theo tình hình biến động ảnh hưởng đến ngành, doanh nghiệp và trái phiếu mà công ty đã đầu tư.

4.3.3 Rủi ro lạm phát

Lạm phát làm tăng chi phí đầu vào, tăng lãi suất danh nghĩa do đó ảnh hưởng đến sự biến động giá chứng khoán. Rủi ro về lạm phát ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp mà quỹ đầu tư vào, do vậy sẽ ảnh hưởng kết quả lợi nhuận và dẫn đến ảnh hưởng giá trị doanh nghiệp và khoản đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp.

Tương tự như rủi ro lãi suất, hoạt động nghiên cứu của công ty quản lý quỹ cũng theo dõi chặt chẽ diễn biến của lạm phát, dự báo tác động ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến giá trị của các khoản đầu tư.

4.3.4 Rủi ro thiếu tính thanh khoản

Quỹ ACBGF đầu tư tỷ trọng đáng kể vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Do vậy, việc thanh khoản các khoản đầu tư sẽ gặp khó khăn khi tính thanh khoản của cổ phiếu thấp và sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của quỹ. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ ACBGF tập trung đầu tư vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, qui mô vốn lớn và thanh khoản cao trên thị trường.

4.3.5 Rủi ro pháp lý

Hoạt động của Quỹ ACBGF sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều do sự biến động của TTCK. Vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước như Luật chứng khoán thì hoạt động của Quỹ ACBGF còn được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản dưới luật của UBCKNN.

Do vậy, khi Chính phủ đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ ACBGF trong tương lai.

4.3.6 Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro này xảy ra khi các đánh giá tín nhiệm về doanh nghiệp bị thay đổi so với đánh giá ban đầu do các yếu tố khách quan. Độ tín nhiệm của doanh nghiệp nếu giảm sẽ làm giảm giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp và làm giảm giá trị của chứng chỉ quỹ.

Để hạn chế những rủi ro này, công ty quản lý quỹ thường xuyên cập nhật, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời và chính xác cho những đánh giá tín nhiệm.

4.3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý Quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các Quỹ đầu tư mà công ty sẽ quản lý điều hành. Để kiểm soát những xung đột này, Công ty Quản lý Quỹ sử dụng chính sách phân bổ cơ cấu đầu tư công bằng giữa các Quỹ và được theo dõi chặt chẽ bởi Ngân hàng giám sát. Ngoài ra, mỗi Quỹ sẽ có chế độ theo dõi, hạch toán riêng, được giám sát chặt chẽ bởi Ban đại diện Quỹ và Ngân hàng giám sát của từng Quỹ cũng sẽ giảm thiểu rủi ro này.

4.3.8 Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ ACBGF đang đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Với danh mục đầu tư của Quỹ vào các loại cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng, hoạt động hiệu quả thì việc giảm sút NAV có thể được hạn chế. Ngoài ra, Quỹ có cơ chế quản lý rủi ro như cắt lỗ và phân bổ tài sản để giảm thiểu rủi ro trước khi thị trường giảm quá sâu.

4.3.9 Rủi ro quản lý

Quỹ ACBGF là quỹ đầu tiên mà Công ty quản lý nên chưa có kinh nghiệm nhiều trong việc điều hành và quản lý quỹ. Hậu quả của rủi ro này là việc đầu tư của quỹ không đạt được các mục tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, chủ sở hữu, ban điều hành công ty và các chuyên gia được lựa chọn đề xuất vào Ban đại diện Quỹ, Ban điều hành Quỹ đã có khá nhiều kinh nghiệm trong các hoạt động đầu tư và quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, sự giám sát chặt chẽ của Ngân hàng giám sát cũng giúp giảm thiểu rủi ro quản lý cho việc đầu tư của Quỹ ACBGF.

4.3.10 Rủi ro niêm yết và giao dịch so với Quỹ khác

Quỹ ACBGF là quỹ thứ 6 niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, do đó, nhà đầu tư sẽ có nhiều sự lựa chọn chứng chỉ quỹ để đầu tư. Với lợi thế là Quỹ huy động trong bối cảnh thị trường chứng khoán giảm sâu, Quỹ ACBGF sẽ có nhiều cơ hội gia tăng giá trị tài sản Quỹ trong trung và dài hạn. Đồng thời, Quỹ ACBGF cũng sẽ mang lại thu nhập hàng năm ổn định cho nhà đầu tư.

Do đó, Chứng chỉ quỹ ACBGF sẽ mang lại nhiều cơ hội lựa chọn an toàn cho nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường chứng khoán như hiện nay. Tuy nhiên, với lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư tổ chức đang nắm giữ trên 90% có thể thanh khoản sẽ làm giảm tính hấp dẫn nhà đầu tư tham gia khi Quỹ ACBGF niêm yết.

4.4 Phí, lệ phí và thường hoạt động

4.4.1 Phí phát hành

Phí phát hành bằng 0,5% trên mệnh giá Đơn vị Quỹ, thanh toán một lần cho Công ty Quản lý Quỹ khi phát hành.

4.4.2 Phí quản lý

Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tính theo năm, thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời gian Công ty Quản lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý Quỹ ACBGF.

Phí quản lý hàng tháng = 0,5% x giá trị tài sản ròng (NAV) tại ngày định giá cuối cùng của tháng / 12 tháng

4.4.3 Phí Ngân hàng giám sát và lưu ký

Là mức phí được trả cho Ngân hàng giám sát để cung cấp dịch vụ Ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý Quỹ với Ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, ...

Quỹ sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ Quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với trung tâm lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng giám sát.

4.4.4 Chi phí khác

- Phí môi giới, phí giao dịch có liên quan đến các giao dịch tài sản của Quỹ;
- Phí liên quan đến việc định giá tài sản của Quỹ;
- Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán của Quỹ; chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ theo sự phê chuẩn của Đại hội nhà đầu tư hoặc theo yêu cầu của pháp luật hiện hành;
- Chi phí liên quan đến việc phát hành Chứng chỉ Quỹ bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí soạn thảo Bản cáo Bạch của Quỹ, sửa đổi Điều lệ Quỹ, chi phí phát sinh từ việc xin phê chuẩn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Chi phí liên quan đến tổ chức, triệu tập và hoạt động của Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện Quỹ;

- Các khoản lãi vay phải trả phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Thuế, phí liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Bất cứ chi phí hợp lý nào khác mà Ban đại diện Quỹ thông qua.

Tất cả các chi phí được liệt kê tại Quy định 5.4 này sẽ không vượt quá 1% Giá trị Tài sản ròng của Quỹ/ năm.

4.4.5 Phí thưởng hoạt động

Công ty Quản lý Quỹ có thể nhận được từ Quỹ ACBGF, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động.

4.5.5.1. Nguyên tắc thực hiện

- a. Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ACBGF (xem phương thức tính phí thưởng ở Phụ lục 4). Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư (nếu có) và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.
- b. Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thưởng bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.
- c. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Tăng trưởng NAV để xác định mức thưởng sẽ được tính bắt đầu từ khi mức lỗ đã được bù đắp hết. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.
- d. Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4.4.5.2. Phương thức hạch toán

Thưởng hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty quản lý quỹ sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó và số thưởng hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thưởng hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

4.5.5.3. Phương thức xác định thưởng hoạt động

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ ACB nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của ACBGF do Công ty Quản lý Quỹ ACB quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây)

Khoản thưởng hoạt động mà Công ty Quản lý Quỹ ACB sẽ nhận được bằng 20% trên khoản vượt trội này (Li) trong năm tài chính.

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times Li$$

$$Li = Vi - [Vi-1 \times (100\% + h + 1\%) + Ni \times (100\% + (h+1\%) \times d/365]$$

Trong đó:

- Li** : Khoản liên quan đến phí thưởng hoạt động
- Vi** : Giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với khoản cổ tức chia trong năm
- Vi-1** : Giá trị tài sản ròng của khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)
- 1%** : Chỉ số vượt trội
- Ni** : Số tiền thu được từ đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ trong năm
- d** : Số ngày tính từ thời điểm huy động vốn mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i
- h** : là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = Who \times Rho + Wha \times Rha + Wo \times Rls$$

trong đó:

- **Who**: là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM trong danh mục ACBGF.
- **Rho**: là % tăng trưởng của VN-Index.
- **Wha**: là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục ACBGF.
- **Rha**: là % tăng trưởng của HNX Index.
- **Wo**: là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị tiền gửi, tiền mặt và các loại tài sản khác.
- **Rls**: là lãi suất tiền gửi mười hai (12) tháng trung bình của 4 ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ghi chú: Các chỉ số Who, Wha và Wo là những tỷ trọng cơ cấu danh mục được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

- Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản

Tỷ trọng				NAV thực tế (tỷ đồng)			
Diễn biến tháng	CP NY Ho (W_{ho})	CP NY Ha (W_{ha})	TS khác (W_o)	Tổng	Giá trị CP NY Ho	Giá trị CP NY Ha	Giá trị TS khác
	1	2	3	4	5	6	7
T1				300.0	135.0	120.0	45.0
T2				304.5	137.0	121.8	45.7
T3				309.1	139.1	139.1	30.9
T4				313.8	156.9	125.5	31.4
T5				318.3	159.2	127.3	31.8
T6				323.1	161.6	129.2	32.3
T7				328.2	164.1	131.3	32.8
T8				333.0	166.5	133.2	33.3
T9				338.1	169.1	135.2	33.8
T10	Phát hành 300 tỷ			641.1	320.6	256.4	64.1
T11				652.8	326.4	261.1	65.3
T12				662.1	331.1	264.8	66.2
Cả năm	49%	40%	11%	4,824.1	2,366.4	1,945.1	512.6

Trong đó:

- W_{ho} (1) = (5)/(4)
- W_{ha} (2) = (6)/(4)
- W_o (3) = (7)/(4)

- Ví dụ tính chỉ số căn bản và thường

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	a	300
NAV cuối năm (tỷ)	b	662.1
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	c	300
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	d	100
Tăng trưởng VN-Index	e	15%
Tăng trưởng HNX-Index	f	14%
Lãi suất TB tiền gửi 12 tháng	g	11%

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
Chỉ số vượt trội	i	1%
Chỉ số căn bản	$h = W_{ho} \times e + W_{ha} \times f + W_o \times g$	14.2%
Li (tỷ)	$k = b - a \times (1 + i + h) - c \times [1 + (i+h) \times d/365]$	4.11
Thưởng (tỷ)	$n = 20\% \times k$	0.82
Thưởng/NAV (%)		0.1%

4.5 Giao dịch chứng chỉ quỹ

4.5.1 Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

Quỹ ACBGF là Quỹ đóng, do đó Công ty Quản lý Quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ Quỹ từ Nhà đầu tư. Nhà đầu tư chỉ có thể giao dịch chứng chỉ Quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi chứng chỉ quỹ được niêm yết.

Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ: "Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo".

Ngoài ra, khi Chứng chỉ Quỹ ACBGF chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày chứng chỉ Quỹ ACBGF niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.

4.5.2 Thừa kế chứng chỉ quỹ

Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ ACBGF chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký Nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế. Khi chứng chỉ Quỹ ACBGF chính thức niêm yết trên SGDCK, Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thừa kế tại các thành viên lưu ký là các Công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản trong trường hợp Nhà đầu tư đã thực hiện lưu ký chứng chỉ Quỹ ACBGF tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc thực hiện các thủ tục thừa kế tại Công ty Quản lý Quỹ trong trường hợp Nhà đầu tư chưa thực hiện lưu ký chứng khoán.

Việc chuyển nhượng quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ do việc thừa kế sẽ tuân

theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Chi nhánh Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

4.6 Thời hạn nắm giữ tối thiểu

Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện quỹ phải cam kết nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày chứng chỉ Quỹ ACBGF niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.

Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ: “Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo”.

4.7 Xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý Quỹ phải xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, lập và lưu trữ Sổ đăng ký nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ đại chúng trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực.

4.8 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.8.1 Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị Tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn vị Quỹ sẽ được công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày định giá.

Việc xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ sẽ do ACBC chịu trách nhiệm và được xác nhận bởi Ngân hàng giám sát phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Quỹ.

4.8.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

4.8.2.1 Giá trị Tài sản ròng của Quỹ

Được xác định bằng tổng các giá trị của chứng khoán và tài sản khác của Quỹ trừ đi tổng nợ của Quỹ, kể cả các khoản Cổ tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước ngày định giá.

$$\text{Giá trị Tài sản Ròng (NAV)} = \text{Tổng tài sản có của Quỹ} - \text{Tổng nợ phải trả của Quỹ}$$

Trong đó:

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ bao gồm các giá trị các khoản đầu tư, cổ tức, lợi tức, lợi nhuận được chia, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền chưa đầu tư của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Giá trị tổng tài sản có được tính tại Quy định 4.2.2 dưới đây.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ bao gồm các chi phí nêu tại Chương XII Điều lệ Quỹ cộng với các khoản Cổ Tức Quỹ chưa thanh toán hoặc sẽ thanh toán vào, tại hoặc trước

ngày định giá.

Giá trị Tài sản Ròng của Đơn Vị Quỹ bằng: NAV/ Tổng số đơn vị Quỹ đang lưu hành.

4.8.2.2 Giá trị các tài sản của Quỹ được xác định như sau

a. Đối với cổ phiếu niêm yết

- Giá của chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) được xác định là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Giá của các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (02) tuần được xác định trên cơ sở giá chào mua trung bình do ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
- Trong trường hợp các chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) nhưng không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá trị chứng khoán đó được áp dụng như sau:
 - ✓ Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản;
 - ✓ Bằng giá mua trong các trường hợp khác; hoặc
 - ✓ Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng giám sát đồng ý và Đại hội nhà đầu tư chấp nhận.

b. Đối với cổ phiếu chưa niêm yết (OTC)

- Giá của các loại cổ phiếu chưa niêm yết là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do ba (03) công ty chứng khoán có uy tín cung cấp. Công ty chứng khoán được lựa chọn, phải là công ty độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
- Trong trường hợp không thể áp dụng phương pháp trên, phương pháp định giá theo giá trị sổ sách sẽ được áp dụng.

c. Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu;

d. Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái

phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường theo quy định như quy định đối với trường hợp cổ phiếu niêm yết và/ hoặc trường hợp cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) được quy định ở trên. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá trị thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp.

- e. Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá một (01) năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá thực tế tại thời điểm xác định;
- f. Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của Ngân hàng giám sát và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá;
- g. Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan đã được Ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

4.7.2.3 Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

4.9 Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

- Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.
- Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ ACBGF cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết sáu (06) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá mười hai (12) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.
- Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập từ hoạt động đầu tư vào Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ có quyền khấu trừ các

khoản thuế thu nhập này trước khi chi trả Cổ tức cho nhà đầu tư phù hợp với phương pháp nộp thuế mà nhà đầu tư đã đăng ký với Công ty Quản lý Quỹ.

4.10 Chế độ báo cáo

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB sẽ thực hiện việc lập các báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Các báo cáo và công bố thông tin này sẽ được lập theo quy định hiện hành và sẽ được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB gửi đến UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ ACBGF và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB.

4.11 Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho nhà đầu tư

Mọi thông tin và tài liệu xin vui lòng liên hệ:

Ông NGUYỄN MINH TUẤN – TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB

Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 6290 5986

Fax: (84.8) 6290 5987

Email: acbcinfo@acb.com.vn

Website: www.acbcapital.com.vn

PHẦN V

THÔNG TIN VỀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

5.1 Thông tin về Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

5.1.1 Các thông tin chung về Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB được thành lập với tên giao dịch là Công ty Quản lý Quỹ ACB theo giấy phép thành lập và hoạt động số 41/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 28/10/2008 và trở thành một trong những công ty quản lý quỹ đầu tiên ở Việt Nam thực hiện nghiệp vụ lập, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Đến tháng 12/2009, UBCKNN chấp thuận việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của ACBC theo Giấy phép điều chỉnh số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009.

Trong quá trình hoạt động, Công ty Quản lý Quỹ ACB tuân thủ theo pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Công ty Quản lý Quỹ ACB có trụ sở chính đặt tại thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 50 tỷ đồng, là công ty con thuộc sở hữu 100% Công ty Chứng khoán ACB và là một trong những thành viên tập đoàn Ngân hàng TMCP Á Châu.

Kể từ khi thành lập cho đến thời điểm đầu năm 2012, ACBC chủ yếu thực hiện nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư, đồng thời thực hiện hoạt động đầu tư dưới dạng tiền gửi nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, ổn định, tránh những hình thức đầu tư mang tính chất rủi ro, bất ổn trong bối cảnh thị trường thời gian trên. Song song đó, ACBC đã tiến hành phân tích thị trường, lựa chọn thời điểm phù hợp để có thể huy động vốn thành lập quỹ đóng đại chúng lần đầu tiên của ACBC Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB vào tháng 06/2011.

5.1.2 Các thông tin chính về tổ chức có liên quan đến Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

5.1.2.1 Giới thiệu về chủ sở hữu: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

▪ Tên công ty	CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
▪ Tên giao dịch	ACB SECURITIES COMPANY, LTD
▪ Tên viết tắt	ACBS
▪ Vốn điều lệ	1.500.000.000.000 đồng
▪ Trụ sở chính	107 Trương Định, P.6, Q.3, Tp. HCM
▪ Điện thoại	(84-8) 5404 3054 Fax: (84-8) 5404 3085
▪ Email	acbs@acb.com.vn
▪ Website	www.acbs.com.vn

- **Nghành nghề kinh doanh chính của Công ty:** Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐKD ngày 29/06/2000 và Quyết định điều chỉnh ngày 04/11/2009 về kinh doanh chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, ngành nghề kinh doanh của ACBS như sau: *Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.*

Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) - được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động kinh doanh ngày 29/6/2000 với số vốn điều lệ là 43 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu – Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu của Việt Nam – sở hữu 100% vốn.

Ngày 06/9/2007, UBCK Nhà nước đã chấp thuận cho ACBS tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng và ngày 14/01/2008, theo Quyết định số 105/UBCK-GPĐCCTCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, vốn điều lệ của ACBS chính thức tăng lên 1.000 tỷ đồng.

Ngày 04/11/2009, UBCK Nhà nước đã chấp thuận cho ACBS tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng. Vào thời điểm hiện tại, ACBS là một trong số các công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam.

Công ty con và Công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty TNHH Chứng khoán ACB có 1 Công ty con và không có Công ty liên kết.

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB	Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%

Các thành tích và danh hiệu đã đạt được

Tháng 12/2008, ACBS đã nhận được danh hiệu “**Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành hàng tài chính – chứng khoán**” do người tiêu dùng bình chọn theo kết quả của cuộc khảo sát của AC Nielsen Việt Nam phối hợp với VCCI tổ chức.

Tháng 2/2009, ACBS cũng đã đạt được chứng nhận **ISO 9001:2008** dành cho hai nghiệp vụ: giao dịch chứng khoán niêm yết với khách hàng định chế và dịch vụ lưu ký chứng khoán. ACBS là Công ty chứng khoán đầu tiên được cấp chứng nhận ISO phiên bản mới nhất 2008.

Năm 2009, ACBS được bầu chọn trong Top 15 công ty chứng khoán tiêu biểu trên sàn HNX do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội phối hợp với Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức.

Năm 2009, ACBS được bầu chọn trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do VietNamNet tổ chức.

Giai đoạn 1996 - 2000: ACB là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard và Visa. Năm 1997, ACB bắt đầu tiếp cận nghiệp vụ ngân hàng hiện đại theo một chương trình đào tạo toàn diện kéo dài hai năm, do các giảng viên nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng thực hiện. Năm 1999, ACB triển khai chương trình hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng, xây dựng hệ thống mạng diện rộng, nhằm trực tuyến hóa và tin học hóa hoạt động giao dịch. Năm 2000, ACB đã thực hiện tái cấu trúc như là một bộ phận của chiến lược phát triển trong nửa đầu thập niên 2000. Cơ cấu tổ chức được thay đổi theo định hướng kinh doanh và hỗ trợ. Ngoài các khối, còn có một số phòng ban do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo. Hoạt động kinh doanh của Hội sở được chuyển giao cho Sở giao dịch (Tp. HCM). Việc tái cấu trúc nhằm đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt toàn hệ thống; sản phẩm được quản lý theo định hướng khách hàng và được thiết kế phù hợp với từng phân đoạn khách hàng; quan tâm đúng mức việc phát triển kinh doanh và quản lý rủi ro.

Giai đoạn 2001 - 2005: Cuối năm 2001, ACB chính thức vận hành hệ thống công nghệ ngân hàng lõi là TCBS (The Complete Banking Solution: Giải pháp ngân hàng toàn diện), cho phép tất cả chi nhánh và phòng giao dịch nối mạng với nhau, giao dịch tức thời, dùng chung cơ sở dữ liệu tập trung. Năm 2003, ACB xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và được công nhận đạt tiêu chuẩn trong các lĩnh vực (i) huy động vốn, (ii) cho vay ngắn hạn và trung dài hạn, (iii) thanh toán quốc tế và (iv) cung ứng nguồn lực tại Hội sở. Năm 2005, ACB và Ngân hàng Standard Chartered (SCB) ký kết thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật toàn diện; và SCB trở thành cổ đông chiến lược của ACB. ACB triển khai giai đoạn hai của chương trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, bao gồm các cấu phần (i) nâng cấp máy chủ, (ii) thay thế phần mềm xử lý giao dịch thẻ ngân hàng bằng một phần mềm mới có khả năng tích hợp với nền công nghệ lõi hiện có, và (iii) lắp đặt hệ thống máy ATM.

Giai đoạn 2006 - 2009: ACB niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 11/2006. Năm 2007, ACB đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập mới 31 chi nhánh và phòng giao dịch, thành lập Công ty Cho thuê tài chính ACB, hợp tác với các đối tác như Open Solutions (OSI) – Thiên Nam để nâng cấp hệ ngân hàng cốt lõi, hợp tác với Microsoft về áp dụng công nghệ thông tin vào vận hành và quản lý, hợp tác với SCB về phát hành trái phiếu. ACB phát hành 10 triệu cổ phiếu mệnh giá 100 tỷ đồng, với số tiền thu được là hơn 1.800 tỷ đồng. Năm 2008, ACB thành lập mới 75 chi nhánh và phòng giao dịch, hợp tác với American Express về séc du lịch, triển khai dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ JCB. ACB tăng vốn điều lệ lên 6.355 tỷ đồng. ACB đạt danh hiệu "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2008" do Tạp chí Euromoney trao tặng tại Hong Kong.

Năm 2009, ACB hoàn thành cơ bản chương trình tái cấu trúc nguồn nhân lực, tái cấu trúc hệ thống kênh phân phối, xây dựng mô hình chi nhánh theo định hướng bán hàng. Tăng thêm 51 chi nhánh và phòng giao dịch. Hệ thống chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp cũng đã hoàn thành và áp dụng chính thức. Hệ thống bàn trợ giúp (help desk) bắt đầu được triển khai. Và lần đầu tiên tại Việt Nam, chỉ có ACB nhận được 6 giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt nam năm 2009" do 6 tạp chí tài chính ngân hàng danh tiếng quốc tế bình chọn (Asiamoney, FinanceAsia, Global Finance, Euromoney, The Asset và The

Banker).

Năm 2010, ACB nhận được 4 giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010 từ các tạp chí tài chính danh tiếng là Asiamoney, FinanceAsia, The Asian Banker và Global Finance.

Công ty con và Công ty liên kết:

Tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do ACB nắm giữ.

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS)	107N Trương Định, P.6, Q.3, TP.HCM.	100%
Công ty TNHH Quản lý nợ & Khai thác tài sản ACB (ACBA)	442 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM	100%
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	71 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	100%

Tính đến thời điểm 30/09/2011, Công ty liên kết và liên doanh của ACB.

Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ ACB	10%
Công ty cổ phần kim hoàn ACB - SJC	10%

Thành tích đạt được

Với tầm nhìn và chiến lược đúng đắn, chính xác trong đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực, nhạy bén trong điều hành và tinh thần đoàn kết nội bộ, trong điều kiện ngành ngân hàng có những bước phát triển mạnh mẽ và môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, ACB đạt được nhiều bằng khen và thành tích, nổi bật bao gồm:

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
1997	Chứng nhận "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam"	Tạp chí Euromoney
1999	Chứng nhận "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam"	Tạp chí Global Finance Magazine (USA)
2001	Một trong 500 ngân hàng hàng đầu Châu Á	Tạp chí Asiaweek
2002	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam Bằng khen về thành tích nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ	Hội đồng xét duyệt Quốc gia Thủ tướng Chính phủ

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2005	Ngân hàng tốt nhất Việt nam	Tạp chí The Banker, thuộc tập đoàn Financial Times, Anh quốc
2006	Bằng khen trong việc đẩy mạnh ứng dụng phát triển công nghệ thông tin, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Huân chương lao động hạng III	Thủ tướng Chính phủ Chủ tịch Nước
2007	Cúp thủy tinh về Thành tựu về lãnh đạo trong ngành ngân hàng Việt Nam năm 2006 (The Leadership Achievement Award for the Financial Services Industry in Vietnam 2006)	The Asian Banker
2008	Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2007 (Best Bank in Vietnam 2007)	Tạp chí Euromoney
2009	Huân chương lao động hạng Nhì Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2009 (Best Bank in Vietnam 2009)	Chủ tịch nước Tạp chí Global Finance, Tạp chí Euromoney, Tạp chí Asiamoney, Tạp chí FinanceAsia
2010	Ngân Hàng có dịch vụ thanh toán vượt trội năm 2010	Tạp chí The Asset
	Ngân hàng vững mạnh nhất Việt Nam 2010	Tạp chí The Asian Banker
	Ông Lý Xuân Hải - Tổng Giám đốc ACB nhận giải thưởng "Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam 2010"	Tạp chí The Asian Banker
	Ngân Hàng tốt nhất Việt Nam năm 2010	Tạp chí Global Finance
	Ngân Hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2010	Tạp chí AsiaMoney
	Ngân Hàng tốt nhất Việt Nam năm	Tạp chí FinanceAsia

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2010		

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu

5.1.2.3 Giới thiệu về các thành viên sáng lập Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB và những người có liên quan

a. Cơ cấu Hội đồng Thành viên (HĐTV) Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

- Chủ tịch HĐTV : Ông Lương Văn Tự
- Phó Chủ tịch HĐTV : Ông Trịnh Kim Quang
- Thành viên HĐTV : Ông Trần Hùng Huy

Ông Nguyễn Minh Tuấn

b. Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

ÔNG LƯƠNG VĂN TỰ - Chủ tịch HĐTV kiêm Người Đại diện theo Pháp luật

Ông Tự nguyên là Thứ trưởng Bộ Thương mại Việt Nam. Ông nguyên là Trưởng đoàn Việt Nam Đàm phán tham gia WTO. Trước đó, Ông từng đảm nhiệm các chức vụ cao cấp như: Trưởng đoàn Đại diện Việt Nam tại Singapore, Tổng Giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Số 1 Hà Nội, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Xuất Nhập khẩu Việt Nam, Chủ tịch Công ty Liên doanh Đề Nhất Hà Nội. Và hiện Ông giữ chức vụ Chủ tịch HĐTV kiêm Người Đại diện theo Pháp luật Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

ÔNG TRỊNH KIM QUANG - Phó Chủ tịch HĐTV

Ông Quang là một trong những thành viên sáng lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Từ đó, Ông Quang đã trải qua nhiều chức vụ điều hành, quản trị tại ACB. Ông Quang đã từng đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB, và hiện là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Á Châu, và là Phó Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

ÔNG TRẦN HÙNG HUY - Thành viên HĐTV

Ông Huy từng là Chuyên gia Tín dụng Cá nhân Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Sau đó, Ông trở thành Phó Giám đốc Kế hoạch Chiến lược ACB; tiếp đến là Giám đốc Marketing. Hiện nay Ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu; Ông cũng là Thành viên HĐTV Công ty TNHH Chứng khoán ACB và Thành viên HĐTV Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

ÔNG NGUYỄN MINH TUẤN – Thành viên **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN** kiêm **Tổng Giám đốc ACBC**

Ông Tuấn đã giữ chức vụ Phó phòng Kinh doanh ngoại hối thuộc Khối Ngân quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Kế đến, Ông đảm nhiệm vị trí Trưởng phòng Đầu tư Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu. Và hiện nay Ông giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

5.1.2.4 Giới thiệu về Ban điều hành Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

ÔNG NGUYỄN MINH TUẤN – **Tổng Giám đốc**

Xem phần giới thiệu ở mục b phần nội dung 5.1.2.3

BÀ NGUYỄN LÊ QUỲNH NHƯ – **Giám đốc Đầu tư**

Bà Như từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư Công ty TNHH Chứng khoán ACB và hiện nay Bà đang giữ chức vụ Giám đốc Đầu tư Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

5.1.2.5 Giới thiệu về đội ngũ phụ trách quản lý của Quỹ ACBGF

ÔNG NGUYỄN MINH TUẤN – **Người điều hành Quỹ ACBGF**

Xem phần giới thiệu ở mục b phần nội dung 5.1.2.3

BÀ NGUYỄN LÊ QUỲNH NHƯ – **Thành viên Ban điều hành Quỹ ACBGF**

Xem phần giới thiệu ở phần nội dung 5.1.2.4

BÀ PHẠM TRÂM NHƯ NGUYỄN – **Kế toán trưởng ACBC, kiêm hỗ trợ Ban điều hành Quỹ ACBGF**

Bà Nguyễn có nhiều năm kinh nghiệm làm kế toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và hiện nay Bà đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB.

ÔNG LÊ NGỌC TẤN – **Phó phòng đầu tư ACBC, kiêm hỗ trợ Ban điều hành Quỹ ACBGF**

Ông Tấn phụ trách Phòng Đầu tư và Quản lý danh mục đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ ACB. Trước khi gia nhập Công ty Quản lý Quỹ ACB, ông Tấn đã có hơn 4 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng. Với vai trò là trợ lý Ban Điều hành Quỹ, ông Tấn có trách nhiệm hỗ trợ các hoạt động đầu tư hiệu quả theo mục tiêu và chiến lược của Quỹ ACBGF.

5.1.3 Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB đã nhận được Giấy phép thành lập công ty do UBCKNN cấp vào tháng 10 năm 2008 và đã chính thức đi vào hoạt động. Trong giai đoạn cuối năm 2008, mặc dù thị trường chứng khoán - đầu tư diễn biến không thuận lợi, ACBC vẫn kết thúc năm tài chính với số doanh thu khả quan. Sự hỗ trợ từ công ty mẹ là Công ty TNHH Chứng khoán ACB và chủ sở hữu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu là tiền đề cho sự thành công của ACBC.

Kết thúc năm 2009, lợi nhuận sau thuế của ACBC tăng vượt trội so với năm 2008 do nguồn thu từ các hoạt động nhận ủy thác đầu tư và các hoạt động đầu tư khác.

Kết thúc năm 2010, lợi nhuận sau thuế của ACBC tăng gần 73% so với năm 2009 vì ngoài nguồn thu từ nghiệp vụ quản lý danh mục đầu tư và các hoạt động đầu tư khác thì trong năm này ACBC đã có sự cơ cấu lại bộ máy tổ chức, quản lý, do đó giảm bớt đáng kể chi phí hoạt động.

Đến hết Quý II năm 2011, ACBC đã hoàn tất quá trình huy động vốn cho Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB và nhận giấy phép thành lập Quỹ số 01/GCN-UBCK vào ngày 30/06/2011 do UBCKNN cấp. Kết thúc năm 2011, ACBC đã đạt mức tăng lợi nhuận trên 85% so với năm trước.

Trong quá trình hoạt động, ACBC đã chú trọng thực hiện nghiên cứu kinh tế, xây dựng các bản tin phân tích kinh tế và thị trường chứng khoán, phát hành nội bộ từ giữa tháng 11/2008, sau đó gửi đến các khách hàng và nhà đầu tư, cũng như đăng trên trang website Công ty. ACBC đã xác định các ngành kinh tế mũi nhọn của Việt Nam, từ đó thực hiện phân tích các ngành, so sánh các công ty đứng đầu ngành; qua đó xây dựng tiêu chí chọn lựa công ty, chứng khoán cho từng ngành kinh tế. Các phân tích và định giá công ty, định giá chứng khoán đã giúp cho việc xác định cổ phiếu tiềm năng để chọn lựa đầu tư. ACBC cũng đã xây dựng và đề xuất danh mục đầu tư cho nguồn vốn chủ sở hữu cấp và nguồn vốn nhận ủy thác từ khách hàng.

Hiện nay, ACBC đang hoàn chỉnh thủ tục xin niêm yết Quỹ ACBGF trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời thực hiện các công việc nghiên cứu – phân tích – định giá các ngành, công ty mũi nhọn để đáp ứng nhu cầu đầu tư của Quỹ cũng như của các danh mục đầu tư ủy thác trong tương lai. Ngoài ra, công ty tiếp tục triển khai các sản phẩm xây dựng và phân tích danh mục đầu tư, ủy thác đầu tư, quản lý danh mục đầu tư, cũng như đẩy mạnh hợp tác với ACBS triển khai các sản phẩm liên kết như các dịch vụ tài chính và mua bán – sáp nhập công ty và đã giới thiệu đến các nhà đầu tư tiềm năng.

5.2 Thông tin về Ngân hàng giám sát

Là *Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)*, tên giao dịch là Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited, hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 236/GP- NHNN do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 08/9/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, thực hiện các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và ngân hàng giám sát, hoặc bất kỳ ngân hàng giám sát nào khác được Quỹ chỉ định theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật Việt Nam để thực hiện các nghiệp vụ như: lưu ký chứng khoán, giám sát tài sản của Quỹ và các hoạt động liên quan của Công ty Quản lý Quỹ theo Điều lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.

- Trụ sở chính : Số 49 Hai Bà Trưng, P. Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại : (84-4) 3936 8000 Fax: (84-4) 3938 6321
- Website : www.standardchartered.com/vn

5.3 Thông tin về Công ty kiểm toán

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư bất thường số 02/NQĐH-ACBGF.11 ngày 11/10/2011 đã thống nhất thông qua việc Công ty Quản lý Quỹ ACB lựa chọn công ty kiểm toán cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB, chi tiết như sau:

Công ty Kiểm toán PriceWaterhouseCoopers (PWC)

- Trụ sở chính : Tầng 4, Tháp Sài Gòn, Số 29 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM
- ĐT : (84-8) 3823 0796 Fax: (84-8) 3825 1947
- Website : <http://www.pwc.com>

PHẦN VI**NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ****6.1 Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ**

- Tên chứng khoán: **Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB**
- Loại chứng khoán: chứng chỉ Quỹ đại chúng dạng đóng
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 24.008.000 chứng chỉ quỹ (Hai mươi bốn triệu không trăm lẻ tám nghìn chứng chỉ quỹ)
- Phương pháp tính giá: Dựa trên mệnh giá cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ ACBGF
- Giá dự kiến niêm yết: **10.050 đồng/chứng chỉ quỹ**

6.2 Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về việc ủy quyền cho Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB về việc tiến hành các thủ tục niêm yết

Việc niêm yết chứng chỉ quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đã được Đại hội Nhà đầu tư thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) thông qua vào ngày 07/7/2011.

Căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết số 01/NQĐH-ACBGF.11 ngày 07/7/2011 của Đại hội Nhà đầu tư thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) – Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền tiến hành các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (Nghị quyết số 01/NQĐH-ACBGF.11 ngày 07/7/2011 được đính kèm với Bản cáo bạch này).

6.3 Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ của Ban đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) bị hạn chế chuyển nhượng là **23.602.000** (hai mươi ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn) chứng chỉ quỹ theo Điều 8, Điều 10 của Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ. Trong đó, các thành viên Ban đại diện Ban đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) cam kết nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong thời gian sáu (06) tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo.

Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện Quỹ được quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ: "Chủ tịch và các thành viên Ban đại diện Quỹ phải cam kết về việc nắm giữ 100% số lượng chứng chỉ Quỹ của mình sở hữu trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày giấy chứng

nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực và ít nhất 50% số lượng Chứng chỉ Quỹ này trong thời gian sáu (06) tháng tiếp theo".

6.4 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

6.5 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam thì tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) đối với người nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của Quỹ.

6.6 Các loại thuế có liên quan (Thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

Được quy định trong các văn bản pháp lý sau:

- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007.
- Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
- Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

PHẦN VII**CAM KẾT**

Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ ACB và tổ chức tư vấn cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm có liên quan trong Bản cáo bạch này.

PHẦN VIII**PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I** : Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua
2. **Phụ lục II** : Biên bản 02/BBĐH-ACBGF.11 ngày 11/10/2011 của Đại hội Nhà đầu tư bất thường Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) và Nghị quyết số 02/NQĐH-ACBGF.11 ngày 11/10/2011 của Đại hội Nhà đầu tư bất thường Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF)
3. **Phụ lục III** : Biên bản 01/BBĐH-ACBGF.11 ngày 07/7/2011 của Đại hội Nhà đầu tư thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) và Nghị quyết số 01/NQĐH-ACBGF.11 ngày 07/7/2011 của Đại hội Nhà đầu tư thành lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF)
4. **Phụ lục IV** : Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB (ACBGF) số 01/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 30/6/2011
5. **Phụ lục V** : Bản sao Hợp đồng giám sát giữa Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB và Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
6. **Phụ lục VI** : Báo cáo kiểm toán năm 2011, Báo cáo tài chính tháng 1 và 2 năm 2012 của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng ACB
7. **Phụ lục VII** : Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết
 - Luật Doanh nghiệp do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005;
 - Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007;
 - Nghị định 01/2010/NĐ-CP hướng dẫn về chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
 - Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
 - Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi

bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15/5/2007;

- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05/6/2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/9/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24/12/2009 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27/3/2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

8. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB

Lầu 1, Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 6290 5989

Fax: (84.8) 6290 5987

Email: acbcinfo@acb.com.vn

Website: www.acbcapital.com.vn

Công ty TNHH Chứng khoán ACB

107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 5404 3054

Fax: (84.8) 5404 3085

Email: acbs@acbs.com.vn

Website: www.acbs.com.vn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Q. TÓNG GIÁM ĐỐC *Chi*



Ông Nguyễn Ngọc Chung

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)**

Quang **GIÁM ĐỐC KHỞI NGHIỆP VỤ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**



Bà Trần Minh Hương

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ACB

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Ông Lương Văn Tự

TỔNG GIÁM ĐỐC




Ông Nguyễn Minh Tuấn

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bà Phạm Trâm Như Nguyễn



CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ACBGF



Ông Nguyễn Ngọc Hùng
Đại diện cho Công ty Cổ phần Địa ốc ACB

THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ACBGF

THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ ACBGF



Ông Huỳnh Sơn Trung
Đại diện cho Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư
& Chuyển tiền Việt Nam



Ông Lê Thanh Hải
Đại diện cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB